BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN
(Tản văn, Tùy bút)

MỤC TIÊU CHUNG BÀI 4:

1. **Kiến thức:**

– Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.
– Nhận biết được chủ đề của VB; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.
– Nhận biết được sự mạch lạc của VB; nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.
– Viết được bài văn biểu cảm về con người, sự việc.
– Tóm tắt được ý chính do người khác trình bày.

2. Về năng lực:

**** Năng lực chung:***

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.
– Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

**** Năng lực đặc thù:***

– Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.
– Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
– Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

3. Về phẩm chất:

– Nhân ái: Biết yêu quý, trân trọng, bảo vệ thiên nhiên.
– Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường, với công việc được giao ở trường, ở lớp.

Tiết:……

BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN
(Tản văn, Tùy bút)
Đọc – hiểu văn bản
CỐM VÒNG
(2 tiết)
-Thạch Lam-

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản
- Liên hệ, vận dụng.

2. Về năng lực

**** Năng lực chung***

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**** Năng lực đặc thù:*** năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học

3. Về phẩm chất: Yêu quý, trân trọng những nét văn hoá truyền thống của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV
- Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, ... (nếu có thể).
- Giấy A1 hoặc A2 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- Phiếu học tập GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (8 phút)

a. **Mục tiêu:**

- HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.
- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

b. **Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem video theo link

https://www.youtube.com/watch?v=R0H14okaXFA

- Video em vừa xem nói về món ăn nào? Em đã được nếm thử món ăn này chưa?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV chiếu video, gợi dẫn học sinh vào bài

HS xem video, trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu 1 vài học sinh trả lời.
- HS trình bày

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt ý, dẫn vào bài: Hà Nội không chỉ là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị đầu não của cả nước mà còn là một vùng đất ngàn năm văn hiến. Nhắc đến vùng đất Hà thành này, người ta nghĩ ngay đến 36 phố phường với những nét đẹp cổ điển và đương nhiên cũng không thể nào quên một món ăn vặt đơn giản nhưng cũng rất nhã nhặn, đó chính là món cốm làng Vòng. Món ăn dân dã này được Thạch Lam đưa vào văn chương hết sức tinh tế, độc đáo trong bài "Cốm Vòng".

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (67 phút)

2.1. Tri thức đọc –hiểu

a. **Mục tiêu:**

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nắm được những đặc điểm của tản văn, tùy bùy

b. **Nội dung:**

GV giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi ? Tản văn là gì? ? Tùy bút là gì?	**1. Tản văn, tùy bút** * ***Tản văn:*** Tản văn là loại văn xuôi ngắn gọn, hia súc có cách thể hiện đa dạng (trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả...), nhưng nhìn chung đều mang tinh chất chấm phủ, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã

? Chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ trong tản văn, tùy bút? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. **B4: Kết luận, nhận định** HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). GV: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau.	hội.. *** *Tùy bút:*** Tuỳ bút là một thể trong ki, dùng để ghi chép, miêu tả những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến; đồng thời chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống. -*Chất trữ tình* trong tản văn, tuỳ bút là yếu tố được tạo từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật để tạo nên rung động thẩm mĩ cho người đọc. -*Cái tôi* trong tuỳ bút, tản văn là yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản Thông thường, có thể nhận biết cái tôi ấy qua các từ nhân xưng ngôi thứ nhất -*Ngôn ngữ* tản văn, tuỳ bút thưởng tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình

2.2. Đọc- hiểu văn bản

I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN	
a. Mục tiêu: - Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác. - Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân - Học sinh nắm được những nét khái quát về tác giả, tác phẩm **b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh **d. Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
1. Tác giả **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - Chia nhóm cặp đôi - Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Vũ Bằng **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.	**1. Tác giả**

B4: Kết luận, nhận định **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau **2. Tác phẩm** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** a. Đọc - Hướng dẫn đọc nhanh. + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ). + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy. + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán. - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn. b. Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi còn lại: ? Văn bản được trích dẫn từ tác phẩm nào của nhà văn Vũ Bằng? Em biết gì về tác phẩm đó? ? Văn bản thuộc thể loại gì? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **GV:** 1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt. 2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc. 2. Trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của giáo viên. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:** - Trả lời các câu hỏi của GV. - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi. - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.	 - Vũ Bằng (1913 –1984) sinh tại Hà Nội. - Sở trường của ông là viết truyện ngắn, tùy bút, bút ký - Ông có nhiều bài viết hay thể hiện những cảm xúc sâu lắng về quê hương, đất nước. - Các tác phẩm tiêu biểu của ông: *Miếng ngon Hà Nội, Miếng lạ miền Nam, Thương nhớ mười hai* v.v,... **2. Tác phẩm** **a. Đọc** **b. Xuất xứ** - *Cốm Vòng* được trích từ tập *Miếng ngon Hà Nội* (xuất bản đầu năm 1960). - Vài nét về tác phẩm *Miếng ngon Hà Nội*: là một tác phẩm bút ký tập trung giới thiệu mười lăm món ăn đặc sản của Hà Nội cũng như cảm nhận, tâm tình và kỷ niệm của tác giả với Hà Nội thông qua các món ăn. **c. Thể loại:** tùy bút
II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN	

1. Tình cảm, cảm xúc của tác giả	
a. Mục tiêu: - Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác. - Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân - Học sinh nhận ra tình cảm, cảm xúc của tác giả trong văn bản **b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh **d. Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	- Từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả là: (ăn miếng cốm) cho ra miếng cốm; thanh lịch, cao quý; tiếc từng hạt rơi, hạt vãi; ăn từng chút một; nhón từng chút một chứ không được phũ phàng; nhai nhỏ nhẹ; ngẫm nghĩ tính chất thơm, tính chất ngọt của cốm phiêu phiêu như khí trời trong sạch; ăn một miếng cốm vào miệng là nuốt hương thơm của cánh đồng quê của cha ông ta vào lòng, dịu dàng biết chừng nào mà cảm khái nhường bao => Từ đó, ta thấy tình cảm, cảm xúc của tác giả là: tình cảm yêu quý, trân trọng, trìu mến, nâng niu từng hạt cốm
2. Chất trữ tình trong văn bản	
a. Mục tiêu: - Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác. - Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân - Học sinh nhận ra chất trữ tình trong văn bản **b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh **d. Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm những chi tiết thể hiện sự hòa quyện tình cảm, cảm xúc của tác giả với vẻ đẹp của thiên nhiên, tạo vật trong văn bản và nêu tác dụng của chúng **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định**	*- Mầu sắc tương phản mà lại tôn lẫn nhau lên; đến cái vị của hai thức đó, tưởng là xung khắc mà ai ngờ lại cũng thắm đượm với nhau! Một thứ thì giản dị mà thanh khiết, một thứ thì chói lọi mà vương giả; nhưng đến lúc ăn vào thì vị ngọt lừ của hồng nâng mùi thơm của cốm lên, [...] như trai gái xứng đôi, như trai gái vừa đôi... mà những mảnh lá chuối tước tơi để đệm hồng chính là những sợi tơ hồng quấn quýt,...* → Phương thức biểu đạt chủ yếu là miêu tả và biểu cảm, hài hoà giữa việc thể hiện

- Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	vẻ đẹp tự nhiên và cảm xúc chân thực của con người. - Cảm xúc của tác giả về cảnh các cô gái làng Vòng gánh cốm đi bán: *Có ai, một buổi sáng mùa thu, ngồi nhìn ra đường phố, thấy những cô gái làng Vòng gánh cốm đi bán mà không nghe thấy lòng rộn rã yêu đương?* *Đó là những cô gái mộc mạc ưa nhìn "đầu trùm nón lá" vắt vẻo đi từ tinh mơ lên phố để bán cốm cho khách Hà Nội có tiếng là sành ăn.* - Cảm xúc của tác giả khi miêu tả thành phẩm cốm: *Người ta lấy mạ giã ra, hoà với nước, làm thành một thứ phẩm xanh màu lá cây rồi hồ cốm cho thật đều tay: cốm đương mộc mạc, nổi hẳn màu lên và duyên dáng như cô gái dậy thì bỗng tự nhiên đẹp trội lên trong một buổi sáng mùa xuân tươi tốt.* → Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả bộc lộ trực tiếp, sinh động, như hoà quyện với hương vị thơm mát thanh khiết của tự nhiên, với nét đẹp mộc mạc mà nên thơ của đất trời, tạo cho người đọc ấn tượng khó quên.
3. Cái tôi của tác giả	
a. Mục tiêu: - Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác. - Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân - Học sinh nhận ra được cái tôi của tác giả, rút ra được chủ đề văn bản **b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh **d. Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Cách nhìn của Vũ Bằng về "cốm" có gì đặc biệt? - Em có nhận xét gì cách xưng gọi của tác giả? - Từ đó, em cảm nhận như thế nào về tâm hồn tác giả? Rút ra chủ đề văn bản. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: - "Đã có lúc…có còn gì là cốm" - "Hỡi anh đi đường cái…nhường nào"? **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn	- Cách nhìn mới mẻ của Vũ Bằng: + Ông nhìn "cốm" không chỉ như một thức quà quen thuộc, mà còn như một món quà thiên nhiên hun đúc, trao tặng cho con người, và đến lượt con người lại dùng công sức và trí tuệ của mình để tạo nên. + Ông đã chỉ ra được mối liên hệ của cốm với tự nhiên, với văn hoá và địa lí. + Cách nghĩ của nhà văn cũng rất đặc biệt, khi ông nói đến cách con người đối xử với thức quà cũng chính là cách con người đối xử với văn hoá, đồng thời thể hiện lối sống - Cách xưng gọi "hỡi anh", "ta" được sử

B4: Kết luận, nhận định - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	dụng một cách tự nhiên, thân tình, và không kém phần trang trọng, tinh tế: → Tác giả có tâm hồn phong phú, sâu sắc, tinh tế → Chủ đề văn bản: Tình cảm yêu quý, trân trọng của tác giả đối với cốm và đối với văn hoá của dân tộc cũng như cách sống đẹp, giàu văn hoá của người Hà Nội.

III. TỔNG KẾT

a. Mục tiêu:
- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Khái quát lại kiến thức

b. Nội dung:
- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…
- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Em hãy chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong văn bản? ? Qua văn bản, em cảm nhận được gì về tâm hồn tác giả? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận** HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. **B4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm	**1. Nghệ thuật** - Ngôn ngữ giàu cảm xúc - Lối viết hấp dẫn, thú vị - Cách triển khai ý kiến, lí lẽ mạch lạc, rõ ràng **2. Nội dung** Qua văn bản, ta thấy tâm hồn của nhà thơ Vũ Bằng là một tâm hồn tinh tế, bay bổng, thiết tha, ông có một tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước sâu sắc, sự trân trọng và nâng niu món ăn dân dã, bình dị của người dân Việt Nam

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm học tập:

– Cốm Vòng thể hiện tình cảm yêu quý, say mê, trân trọng của tác giả đối với vẻ đẹp của cốm, của văn hoá ẩm thực. Những tình cảm đó được bộc lộ gián tiếp qua cách miêu tả cốm, đồng thời bộc lộ trực tiếp bằng những từ cảm thán.

– Cái tôi của người viết tuỳ bút hiện ra rõ nét qua tình cảm, thái độ, suy nghĩ của tác giả.

– Ngôn ngữ VB giản dị, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên giao bài tập cho HS: Em hãy chỉ ra một số đặc điểm của tùy bút thể hiện qua văn bản bằng cách thực hiện phiếu học tập sau:

Đặc điểm của tuỳ bút	**Thể hiện trong VB *Cốm Vòng***
Chất trữ tình	.....
Cái tôi của người viết	.....
Ngôn ngữ	.....

B2: Thực hiện nhiệm vụ
GV phát phiếu học tập
HS thảo luận nhóm đôi và trả lời
B3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi một vài nhóm trình bày câu trả lời, các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung
B4: Kết luận, nhận định
GV nhận xét thái độ làm việc, sản phẩm của các nhóm và chốt kiến thức
4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG (5 phút)
a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.
b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).
d**) Tổ chức thực hiện**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ
? Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em về món cốm?
B2: Thực hiện nhiệm vụ
GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản và vận dụng những trải nghiệm của cá nhân
HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.
B3: Báo cáo, thảo luận
GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm
HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.
B4: Kết luận, nhận định (GV)
- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

✳ **<u>Dặn dò</u>**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:

+ Nắm được thông tin về tác giả Vũ Bằng, tác phẩm.

+ Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: Cảm xúc của nhân vật trữ tình; chất trữ tình trong văn bản; cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản; nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Đối với bài học tiết sau:

+ Chuẩn bị tiết "Thực hành tiếng Việt ": Nắm được thông tin về tác giả Vũ Bằng, tác phẩm.

+ Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: Cảm xúc của nhân vật trữ tình; chất trữ tình trong văn bản; cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản; nội dung và nghệ thuật của văn bản.

<u>Tài liệu tham khảo dành cho học sinh:</u>

Tiết:……

BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN
(Tản văn, tùy bút)
Đọc – hiểu văn bản (2)
MÙA THU VỀ TRÙNG KHÁNH NGHE HẠT DẺ HÁT
– Y Phương –
(2 tiết)

Hạt dẻ Trùng Khánh (Báo Công an nhân dân điện tử)

I. MỤC TIÊU:

1. *Kiến thức:*

– Chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tản văn.
– Chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
– Sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

2. Về năng lực:

**** Năng lực chung:***

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.
– Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

**** Năng lực đặc thù:***

– Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.
– Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
– Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

2. Về phẩm chất:

– Nhân ái: Yêu quý trân trọng và bảo vệ thiên nhiên.
– Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường, với công việc được giao ở trường, ở lớp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về nhà văn Y Phương và văn bản "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát".
- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 PHÚT)

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong hình ảnh với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học.

c. Sản phẩm học tập: Cảm nhận của học sinh (chia sẻ trải nghiệm của mình về sản vật đặc trưng cho một vùng đất) và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Quan sát hình ảnh, em hãy chia sẻ trải nghiệm của mình về sản vật đặc trưng cho một vùng đất?

Hạt dẻ Trùng Khánh (Báo Khoa học và phát triển) Dừa sáp Trà Vinh (Thịnh Karim)

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS quan sát hình ảnh để trả lời câu hỏi của giáo viên.

GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh.

B3: Báo cáo, thảo luận:

GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.
- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

Các em thân mến! Đất nước Việt Nam tươi đẹp, trù phú với những bờ biển dài, những dòng sông rộng, đất đai màu mỡ, cây cối tươi tốt cho quả quanh năm. Vì lẽ đó, có thể nói: mỗi một vùng đất, một miền quê đều có những sản vật đặc trưng của riêng mình nào dừa, nào mít, nào vải, nào hạt dẻ… và hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu những cảm nhận rất độc đáo của tác giả Y Phương về một trong những sản vật ấy qua bài: "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát".

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (60 phút)

2.1 Tri thức đọc – hiểu
a. **Mục tiêu**: Học sinh hiểu chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tản văn. b. **Nội dung**: **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi.

HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm. c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh d. **Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết. ? Em hãy nêu đặc điểm của tản văn? ? Em hiểu thế nào là chất trữ tình trong tản văn? ? Em hiểu thế nào là cái tôi của tác giả trong tản văn? ? Em hiểu thế nào là ngôn ngữ vùng miền? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. **B4: Kết luận, nhận định** **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau.	**1. Khái niệm tản văn:** Tản văn là thể loại văn học chú trọng việc ghi lại những gì đã trải qua, đã nghe thấy, cảm thấy, thể nghiệm liên tưởng của cái tôi hoặc ghi lại những câu chuyện, những trạng thái cảnh vật hoặc trữ tình hoài niệm; là loại tác phẩm văn học giàu tính trữ tình, rộng rãi về đề tài, tinh túy về nội dung, khuôn khổ tương đối nhỏ, ngôn ngữ tự nhiên mới mẻ, thủ pháp biểu hiện linh hoạt, văn phong sáng sủa. **2. Chất trữ trình trong tản văn:** Tản văn trữ tình là tản văn lấy sự bộc lộ tư tưởng, tình cảm của tác giả làm chủ đạo, điều căn bản của nó là bộc lộ tình cảm. Trữ tình ở đây đã chỉ ra nội dung chủ yếu của nó là tình cảm, đồng thời cũng chỉ ra thủ pháp biểu hiện chủ yếu của nó là trữ tình. "Tình" trong tản văn trữ tình chiếm vị trí vô cùng quan trọng. **3. Cái tôi của tác giả trong tản văn:** Cái tôi tác giả là khả năng xử lí thông tin, khả năng nắm bắt những thông tin, chi tiết hay, đặc sắc. Cái tôi tác giả ở đây là cách tiếp cận vấn đề, cách chọn vấn đề thể hiện tác phẩm. **4. Ngôn ngữ các vùng miền** - Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. Tính đa dạng tiếng Việt thể hiện ở mặt ngữ âm và từ vựng: + Về ngữ âm: một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau. + Về từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có từ ngữ mang tính địa phương.

2.2 Đọc – hiểu văn bản (…')

I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (…')

a. Mục tiêu:

– Chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tản văn.

– Chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

– Sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung.

HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết. Phiếu học tập số 1 **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. **B4: Kết luận, nhận định** **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau	**1. Tác giả** – Y Phương tên thật là Hứa Vĩnh Sước (24 tháng 12 năm 1948 - ngày 9 tháng 2 năm 2022), quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. – Các tác phẩm của Y Phương thể hiện vẻ đẹp chân thật, trong sáng và mạnh mẽ; cách biểu đạt giàu hình ảnh theo cách nhìn, cách nghĩ của người miền núi. Văn xuôi Y Phương giàu hình ảnh và chất thơ. – Tác phẩm tiêu biểu: tập thơ: Người Núi Hoa (1982), Tiếng hát tháng Giêng (1986), Lửa hồng một góc (1987), Lời chúc (1991), Đàn Then (1996), Thơ Y Phương (2002)…và các tập tản văn: Tháng Giêng – tháng Giêng một còng dao quắm (2009), Kungfu người Co Xàu (2011).

Tác giả Y Phương	
Tên thật	
Năm sinh, năm mất, quê quán	
Đặc điểm nổi bật trong các tác phẩm của ông	
Tác phẩm tiêu biểu	**Thơ:**
	Tản văn:

2. Tác phẩm:

a) Đọc và tóm tắt

2. <u>Tác phẩm</u>

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

a. Đọc

- Hướng dẫn đọc nhanh.

+ Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.

+ Thể hiện rõ giọng điệu và ngôi thứ nhất (lời của nhân vật tôi).

- Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).

+ Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.
+ Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.
- Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.
b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:

Tìm hiểu chung về "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạ dẻ hát".	
Vị trí địa lí Trùng Khánh	
Thể loại	
Sản vật	
Ngôi kể	
Bố cục:	Phần 1:
	Phần 2:
	Phần 3:

Phiếu học tập số 2

? Trùng Khánh là một địa danh thuộc tỉnh nào ở nước ta?
? Văn bản "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát" viết về sản vật gì?
? Văn bản thuộc thể loại gì?
? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:
1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.
2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).

HS:
1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.
2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).

HS:
- Trả lời các câu hỏi của GV.
- HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)
- Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.
- Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.

- Đọc
- Tóm tắt

b) Tìm hiểu chung:

Thác Bản Giốc (Trùng Khánh)

- **Trùng Khánh**: Huyện Trùng Khánh nằm ở phía đông bắc tỉnh Cao Bằng, cách thành phố Cao Bằng 58 km về phía tây nam, cách Cửa khẩu Trà Lĩnh khoảng 28 km về phía tây bắc và cách Thành phố Hà Nội 307 km về phía tây nam.
- **Thể loại**: Tản văn.
- **Sản vật**: Hạt dẻ.
- **Ngôi kể**: Ngôi thứ nhất.

- **Bố cục**: 3 phần
+ Phần 1: Từ đầu đến "cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân": Giới thiệu về vị ngon và giá trị của hạt dẻ truyền thống.
+ Phần 2: Tiếp theo đến: "trên đầu mẹ có cả một rừng hạt dẻ đang độ ngọt bùi": ca ngợi vẻ đẹp và giá trị văn hóa, du lịch của rừng dẻ.
+ Phần 3: phần còn lại: ý nghĩa của mối tương giao giữa con người và tự nhiên.

Sản phẩm tổng hợp:

Tìm hiểu chung về "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát".	
Vị trí địa lí Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh nằm ở phía đông bắc tỉnh Cao Bằng, cá thành phố Cao Bằng 58 km về phía tây nam, cách Cửa khẩu T Lĩnh khoảng 28 km về phía tây bắc và cách Thành phố Hà Nội 3 km về phía tây nam.
Thể loại	Tản văn.
Sản vật	Hạt dẻ.
Ngôi kể	Ngôi thứ nhất.
Bố cục:	Phần 1: (từ đầu đến "...cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân") Giới thiệu về vị ngon và giá trị của hạt dẻ truyền thống.
	Phần 2: (tiếp theo đến "...trên đầu mẹ có cả một rừng dẻ đang độ ngọt bùi...") Ca ngợi vẻ đẹp và giá trị văn hóa, du lịch của rừng d
	Phần 3: Ý nghĩa của mối tương giao giữa con người và tự nhiên.

II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB (…')

1. Nhan đề của văn bản

a. **Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được nhan đề và ý nghĩa nhan đề của văn bản

b. Nội dung:

GV sử dụng KT tia chớp kết hợp với KT đặt câu hỏi để tìm hiểu về nhan đề của văn bản

HS suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nhan đề của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS** đọc nhan đề văn bản và suy nghĩ cá nhân **GV** hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được). ? Mùa thu ở Cao Bằng có điểm gì đặc biệt? ? Từ "Về" gợi lên tình cảm gì? ? "Nghe hạt dẻ hát" gợi lên hình ảnh và cảm xúc gì? **B3: Báo cáo thảo luận** **GV** yêu cầu một vài HS trình bày cảm nhận của mình về nhan đề văn bản. **HS** trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS - Chốt nội dung (sản phẩm). - Chuyển dẫn sang nội dung sau.	"Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát". => - *Mùa thu* -> Mùa có thời tiết đẹp, mùa hạt dẻ chín. - *Về*: trở về, tình cảm thân thương. - *Nghe hạt dẻ hát*: nghệ thuật nhân hóa, hạt dẻ là sản vật là niềm hạnh phúc, tự hào của người dân Trùng Khánh → Gợi tả về lòng tự hào về quê hương với sản vật đặc trưng quý giá.

2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả

a. Mục tiêu:
- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nhận ra tình cảm, cảm xúc của tác giả trong văn bản

b. Nội dung:
GV giao nhiệm vụ
HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả về hạt dẻ, rừng dẻ quê hương: - Trên khắp đất nước ta, không đâu có giống mác lịch ngon ngọt và thơm bùi như ở Trùng Khánh. - Cái đó thì ...vưỡn. - Cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân. - Hạt dẻ rơi rơi như mưa màu nâu. Đó là bản nhạc mùa thu ở quê tôi không thể nào quên. - Đó là điểm du lịch mang màu sắc, hương vị của tình yêu. - Thật là tuyệt vời, khi được lang thang trong một khu rừng dẻ cực kì lãng mạn. - Rừng dẻ khe khẽ hát như rang bởi đây đang là mùa lá đỏ. - Nắng chiều quê tôi sánh vàng như mật bủa lấy rừng vàng. -> sự say mê, tự hào của tác giả đối với hạt dẻ, rừng dẻ.

3. Chất trữ tình trong văn bản

a. Mục tiêu:
- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nhận ra chất trữ tình trong văn bản

b. Nội dung:
GV giao nhiệm vụ
HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Em hình dung thế nào về cảnh được tả trong đoạn văn này? Đoạn văn gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát ba đoạn văn: + Phần 1: Từ đầu đến "cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân": Giới thiệu về vị ngon và giá trị của hạt dẻ truyền thống. + Phần 2: Tiếp theo đến: "trên đầu mẹ có cả một rừng hạt dẻ đang độ ngọt bùi": ca ngợi vẻ đẹp và giá trị văn hóa, du lịch của rừng dẻ. + Phần 3: phần còn lại: ý nghĩa của mối tương giao giữa con người và tự nhiên. **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	- Không khí đầy sự yên bình, tĩnh mịch cùng với tiếng dẻ lao xao, rì rào tạo nên khung cảnh thiên nhiên đẹp và đầy thú vị. Qua đoạn văn em có thể hình dung được, cảnh được tả ở đây chính là nói về sự trù phú của hạt dẻ Trùng Khánh. - Đoạn văn cho em thấy cuộc sống của con người như được hòa quyện với thiên nhiên đất trời. Đó là một cuộc sống không toan tính, yên ả cùng thiên nhiên đẹp đến nao lòng, vừa tôn được nét đẹp lao động của con người, vừa khoe khéo léo cảnh đẹp nơi đây.

4. Cái tôi của tác giả

a. Mục tiêu:
- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nhận ra được cái tôi của tác giả, rút ra được chủ đề văn bản

b. Nội dung:
GV đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Đọc văn bản Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát, em cảm nhận được điều gì về cái tôi của tác giả Y Phương? Rút ra chủ đề văn bản. Dựa vào đâu để em xác định như vậy? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát ba đoạn văn. **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	Tác giả kể về đặc sản hạt dẻ Trùng Khánh quê hương mình với lòng vui sướng, đầy tự hào đã cho thấy cái tôi của tác giả - nhận thức và đánh giá được sự khác biệt giữa hạt dẻ Trùng Khánh khác so với các loại khác. Đó là một cái tôi tinh tế, độc đáo, mới lạ chứa đựng sự nhạy cảm với sự rung động về cảnh vật thiên nhiên. → Chủ đề văn bản: Tình cảm say mê, tự hào của tác giả đối với hạt dẻ, rừng dẻ và niềm mong muốn được giao hoà với thiên nhiên. - Dựa vào nhan đề của bài và những cảm xúc, suy nghĩ của tác giả mà em xác định được như vậy.

III. TỔNG KẾT	
a. Mục tiêu: - Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác. - Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân - Khái quát lại kiến thức **b. Nội dung:** - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản… - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm. c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh **d. Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Em hãy chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong văn bản? ? Qua văn bản, em cảm nhận được gì về tâm hồn tác giả? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận** HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. **B4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm	**1. Nghệ thuật** – Miêu tả chi tiết màu sắc, hình dáng, mùi vị của hạt dẻ, âm thanh, màu sắc của rừng dẻ, qua cách nói khẳng định: "Giống hạt dẻ Trùng Khánh là số một La Mã chứ không chịu nhì". – Cái tôi của người viết tuỳ bút hiện ra rõ nét qua tình cảm, thái độ, suy nghĩ của tác giả. – Ngôn ngữ văn bản: Sử dụng khẩu ngữ, từ láy, văn phong gợi hình, gợi cảm,… **2. Nội dung** Qua văn bản, ta thấy tâm hồn của tác giả Y Phương là một tâm hồn tinh tế, độc đáo, mới lạ chứa đựng sự nhạy cảm với sự rung động về cảnh vật thiên nhiên, ông có một tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước sâu sắc, sự trân trọng và nâng niu sản vật quê mình.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10 PHÚT)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm học tập: Đặc điểm của tản văn được thể hiện trong văn bản: tác giả bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả thông qua các từ ngữ mà tác giả sử dụng. Tác giả thể hiện rõ cái tôi của mình khi nói về hạt dẻ Trùng Khánh và con người quê hương ông.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

? Em hãy chỉ ra một số đặc điểm của tản văn được thể hiện trong văn bản trên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Chiếu bài tập

HS: Đọc yêu cầu của bài và thực hiện bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS nêu bài làm của mình.
- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10 PHÚT)

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa). Sau khi đọc văn bản Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát của tác giả Y Phương em thấy được niềm tự hào của mỗi con người khi giới thiệu về đặc sản của quê hương mình. Qua đó, ta cũng thấy được nét văn hóa độc đáo, phong phú về ẩm thực.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em khi đọc văn bản "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát"?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản (đặc biệt là những chi tiết kể/tả về hạt dẻ: màu sắc, mùi vị, sản phẩm từ hạt dẻ, hạt dẻ gắn bó với người dân địa phương…)

HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

*** Dặn dò**: (5 phút)

- Đối với bài học này:

+ Đọc kĩ văn bản "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát".

+ Học bài về: tản văn; tìm hiểu những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả về hạt dẻ, rừng dẻ quê hương; tìm hiểu về cái tôi của tác giả được thể hiện trong bài; chủ đề của văn bản.

- Đối với bài học sau: Đọc và trả lời câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi bài "Thu sang' (Đỗ Trọng Khơi)

Tiết:……

BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN
(Tản văn, Tùy bút)
Đọc – kết nối chủ điểm
THU SANG
-Đỗ Trọng Khơi-
(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
– Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản
- Liên hệ, vận dụng.

2. Về năng lực

**** Năng lực chung***

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**** Năng lực đặc thù:*** năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học

3. Về phẩm chất: Cảm nhận và yêu mến vẻ đẹp của thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV
- Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, ... (nếu có thể).
- Giấy A1 hoặc A2 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)

a. Mục tiêu:

- HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.
- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.
HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem hình ảnh về mùa thu
Những hình ảnh các em vừa xem thể hiện mùa nào trong năm? Em thích nhất mùa này ở điểm nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV chiếu hình ảnh, gợi dẫn học sinh vào bài
HS xem video, trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu 1 vài học sinh trả lời.
- HS trình bày

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt ý, dẫn vào bài: Cũng như mùa xuân, mùa thu luôn là đề tài gợi nhiều cảm xúc cho các thi nhân. Mỗi người lại có cách nhìn cách miêu tả rất riêng, mang đậm dấu ấn cá nhân của mình. Có nhà thơ, mùa thu là dáng liễu buồn, là màu áo mờ phai, là tiếng đạp lá vàng cuả

con nai ngơ ngác. Đỗ Trọng Khơi cũng góp vào tuyển tập thơ mủa thu của dân tộc một mùa thu riêng của mình với "Thu Sang"

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30 phút)

I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN

a. Mục tiêu:
- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nắm được những nét khái quát về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung:
GV giao nhiệm vụ
HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. Tác giả **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - Chia nhóm cặp đôi - Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Đỗ Trọng Khơi **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận, trao đổi và thống nhất ý kiến. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. **B4: Kết luận, nhận định** **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau **2. Tác phẩm** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** a. Đọc - Hướng dẫn đọc nhanh. + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. + Đọc diễn cảm - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn. b. Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi còn lại: ? Văn bản được trích từ đâu? ? Văn bản thuộc thể loại gì? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **GV:** 1. Hướng dẫn HS cách đọc 2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc. 2. Trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của giáo viên. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:**	**1. Tác giả** 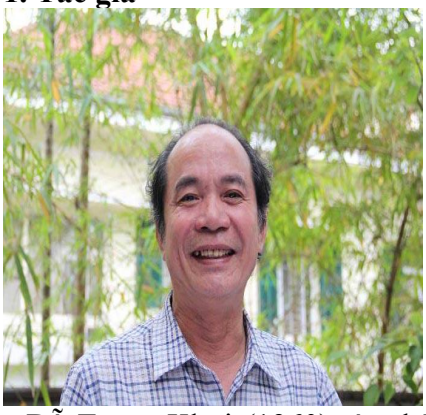 - Đỗ Trọng Khơi (1960) tên thật là Đỗ Xuân Khơi - Quê quán: làng Trần Xá, xã Văn Cẩm, huyện Hưng Hà (Thái Bình) Đỗ Trọng Khơi bắt đầu sáng tác truyện, thơ, ca khúc từ cuối những năm 1980 và được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam năm 2001. - Ông đã có hàng chục tác phẩm thơ văn viết về hình tượng người chiến sĩ và các thể tài khác đăng trên các ấn phẩm của Bác Quân đội nhân dân, Tạp chí Văn nghệ Quân đội - Các tác phẩm tiêu biểu: Con chim thiêng vẫn bay (năm 1992), Gọi làng (năm 1999), Cầm thu (năm 2002), ABC (năm 2009), Với tay ngắt bóng (năm 2010)… và tập truyện ngắn Ma ngôn (năm 2001), Hành trạng tâm linh (năm 2011); tập bình thơ (năm 2007)… - Ông đạt nhiều giải thưởng văn học có giá trị.

- Trả lời các câu hỏi của GV. - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi. - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.	**2. Tác phẩm** **a. Đọc** **b. Xuất xứ** In trong Tuyển tập thơ Việt Nam 1975-2000 **c. Thể loại:** thơ lục bát

II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

1. Bức tranh thiên nhiên lúc "thu sang"

a. Mục tiêu:
- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân.
- Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên lúc "thu sang".

b. Nội dung:
GV giao nhiệm vụ.
HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Âm thanh, màu sắc trong bài thơ được miêu tả qua những từ ngữ nào? - Cảm nhận của em về những âm thanh, màu sắc đó. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	Những âm thanh, màu sắc được miêu tả trong bài thơ: + Màu sắc: rực rỡ, đầy sức sống: "Vàng như tự nắng tự mưa"; "Tự lòng đất, tự trời xưa nhuộm về"; "Xanh lên đã kiệt sức hè", "Trăng vàng rong chơi". + Âm thanh: sống động, vui tười: "Tiếng chim đầy khoảng ngày xanh sang mùa", "Hồn ve lìa ngàn". →Bức tranh thu sang có sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc và âm thanh của bức tranh thiên nhiên. Ta có thể thấy được rõ nét vẻ đẹp của mùa thu với sự sinh động, có hồn và tràn ngập sức sống.

2. Tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên

a. Mục tiêu:
- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân.
- Học sinh cảm nhận được tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên.

b. Nội dung:
GV giao nhiệm vụ.
HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ:	+ "Tiếng chim đầy khoảng ngày xanh sang

Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên và cách thể hiện tình cảm ấy trong bài thơ. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ. GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	mùa", + "Nắng nồng theo lối hồn ve lìa ngàn" + "Heo may ngậm mảnh trăng vàng rong chơi", v.v. → Qua các từ ngữ và hình ảnh kiệt sức hè, rộn lá thu sang, ngậm mảnh trăng vàng, rong chơi,… tác giả thể hiện sự giao cảm với thiên nhiên, nhìn thiên nhiên như một chủ thể. Tình cảm của tác giả được thể hiện gián tiếp qua cách miêu tả thiên nhiên.

III. TỔNG KẾT

a. **Mục tiêu**:
- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân.
- Khái quát lại kiến thức.

b. Nội dung:
- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…
- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện**:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Em hãy chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của bài thơ? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận** HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. **B4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm.	**1. Nghệ thuật** - Ngôn ngữ giàu tính biểu cảm. - Hình ảnh thơ đầy màu sắc, tượng thanh phong phú. **2. Nội dung** Bằng việc miêu tả những chuyển biến của thiên nhiên lúc thu sang, tác giả mang đến cho người đọc hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp, sống động đồng thời thể hiện tình cảm yêu thương, trân trọng đối với sự hiện hữu của thiên nhiên quanh mình.

3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm học tập: tranh vẽ của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:
Giáo viên giao bài tập cho HS: Vẽ một bức tranh với chủ đề "Quà tặng của thiên nhiên".
B2: Thực hiện nhiệm vụ
HS suy nghĩ làm việc cá nhân.
B3: Báo cáo, thảo luận
HS báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS nhận xét.
GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.
B4: Kết luận, nhận định
GV nhận xét thái độ làm việc, sản phẩm của các nhóm.
4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG (5 phút)
a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.
b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).
d**) Tổ chức thực hiện**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ
? Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi học xong bài thơ.
B2: Thực hiện nhiệm vụ
GV gợi ý cho HS bằng việc bám vào văn bản và vận dụng những trải nghiệm của cá nhân.
HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.
B3: Báo cáo, thảo luận
GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm
HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.
B4: Kết luận, nhận định (GV)
- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

✳ **<u>Dặn dò</u>**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:
  + Nắm được thông tin về tác giả Đỗ Trọng Khơi, tác phẩm.
  + Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: Bức tranh thiên nhiên lúc "thu sang"; tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên; nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- Đối với bài học tiết sau:
  + Chuẩn bị tiết "Thực hành tiếng Việt ": tìm hiểu từ ngữ địa phương, đặc điểm tính mạch lạc của văn bản.

Tiết:……

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:
MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN.
NGÔN NGỮ CỦA CÁC VÙNG MIỀN
(Thời gian 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản.
- Nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

2. Năng lực:

**** Năng lực chung:***

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

**** Năng lực đặc thù:***

– Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, SGK, SGV và các tài liệu tham khảo.
- Phiếu học tập.
- Bảng kiểm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng khởi cho HS.
- HS xác định được mục tiêu của bài học.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn" thời gian 3 phút., GV đặt câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Ý kiến phản hồi của HS dưới sự dẫn dắt của GV

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Sắp xếp các cụm từ sau theo trình tự phù hợp:

(1) nhảy lên lưng ngựa,
(2) người gác rừng đóng chắc yên ngựa,
(3) rồi lao vào bóng chiều

?Nêu yêu cầu cần đạt của bài học.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS sắp xếp các câu theo trình tự. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:-Trình bày kết quả làm việc.
- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)
- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. HS nêu lại yêu cầu cần đạt của tiết học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT	
1. Sự mạch lạc của văn bản	
a. **Mục tiêu:** Nhận biết được chủ đề xuyên suốt các đoạn, trình tự sắp xếp các đoạn trong văn bản 1, từ đó nhận biết tính mạch lạc của văn bản. b. **Nội dung:** Gv nêu yêu cầu, HS thảo luận trả lời c. **Sản phẩm học tập:**Ý kiến cá nhân Hs dưới sự nhận xét của hs khác và GV. **d. Tổ chức thực hiện**	
Hoạt động của thầy và trò	**Dự kiến sản phẩm**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV đặt câu hỏi: a. Chủ đề xuyên suốt các đoạn, các câu trong văn bản là gì? b. Trình tự sắp xếp các đoạn, các câu trong văn bản có giúp chủ đề được liền mạch, thông suốt hay không? Tại sao? ? Mạch lạc trong văn bản là gì? - Giao nhiệm vụ: HS thực hiện các yêu cầu của GV. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV**:- Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). **HS**:-Trình bày kết quả làm việc. - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. - Chốt kiến thức lên màn hình. - Chuyển dẫn sang câu hỏi b.	a. Chủ đề xuyên suốt các đoạn, các câu trong VB *Cốm Vòng* là: – Giới thiệu về cốm, một thức quà ngon và tinh tế. – Ca ngợi vẻ đẹp, vị ngon, hương thơm và giá trị của cốm. b. Trình tự sắp xếp trong VB *Cốm Vòng* có thể chia thành 3 phần (mỗi phần gồm có nhiều đoạn) như sau: Phần 1: Từ "Tôi đố ai tìm được" đến "sản xuất được cốm quý", giới thiệu về đặc sản cốm Vòng và truyền thống làm cốm của người làng Vòng. Phần 2: Từ "Dù sao, ta cũng nên biết rằng" đến "tinh khiết và thơm tho lạ lùng", mô tả nguyên liệu và các công đoạn chế biến công phu để ra được sản phẩm cốm Vòng. Phần 3: Từ "Đã có lúc ngồi nhìn người hàng cốm xẻ từng mẻ cốm" đến "cảm khái nhường bao!", nêu lên những suy tư, cảm nhận của tác giả về cốm, từ đó nhấn mạnh sự trân trọng, nâng niu cốm chính là trân trọng nâng niu công sức của đất trời, của con người. Đây là một trình tự hợp lí của các ý, thể hiện qua trình tự hợp lí của câu, của đoạn. => Mạch lạc trong văn bản là các câu, các ý, các phần, các đoạn trong văn bản đều phải hướng về một sự thống nhất, một ý hay một chủ đề nào đó. Hay nói một cách đơn giản thì mạch lạc là sợi dây vô hình gắn kết các phần, các ý, các đoạn trong văn bản.

2. Cách xây dựng tính mạch lạc trong văn bản

a. Mục tiêu: Hình thành tư duy về tính mạch lạc trong văn bản.

b. Nội dung:

Bài tập 2 SGK trang 86

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của các nhóm, ý kiến cá nhân.

d.Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu mỗi HS đánh số các đoạn, rồi thay đổi theo một trật tự khác, nhưng phải giải thích được lí do thay đổi. **B2. Thực hiện nhiêm vụ:** HS chia sẻ trong nhóm để trao đổi, thảo luận. **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. (Một vài HS trình bày kết quả bằng cách viết lên bảng.) **B4. Kết luận, nhận định:** - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	Chú trọng tính mạch lạc của văn bản qua mạch chảy chính: Cốm là đặc sản của làng Vòng, xuất phát từ hạt non của "thóc nếp hoa vàng", nhờ công khéo và kinh nghiệm của người làng Vòng, trải qua nhiều công đoạn cuối cùng đã trở thành món ăn tinh khiết, thơm tho, trang nhã. Thưởng thức cốm cũng chính là thưởng thức văn hoá ẩm thực nước nhà, thể hiện vẻ đẹp thanh nhã tinh tế trong lối sống của con người. Vũ Bằng đã triển khai vấn đề từ nhỏ đến lớn, từ cụ thể đến khái quát. VB cũng có thể được sắp xếp lại, đi từ khái quát đến cụ thể, mạch logic vẫn được đảm bảo, nhưng mạch cảm xúc sẽ không được mượt mà hấp dẫn như cách sắp xếp ban đầu.

3. Từ ngữ địa phương:

a. Mục tiêu: Giúp HS: Nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền.

b. Nội dung: HS chia sẻ về ngôn ngữ các vùng miền mà các em biết.

c. Sản phẩm học tập: Ý kiến cá nhân dưới sự nhận xét của HS khác và sự hướng dẫn của GV.

d.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS chia sẻ về ngôn ngữ các vùng miền mà các em biết, từ đó nhắc lại kiến thức về ngôn ngữ các vùng miền đã học: ? Em hãy nêu một số từ ngữ địa phương mà em biết? ? Từ đó, hãy rút ra đặc điểm của từ ngữ địa phương? ? Xác định các từ ngữ địa phương theo bảng sau **B2. Thực hiện nhiêm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập.	

Từ ngữ	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
ba má			
đìa			
thức quà			
chè xanh			
răng rứa			
mô tê			

Từ ngữ	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
Ba má			X
Đìa			X
Thức quà	X		
Chè xanh	X		

GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần) **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. **B4. Kết luận, nhận định:** - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	<table><tr><td>Răng rứa</td><td></td><td>X</td><td></td></tr><tr><td>Mô tê</td><td></td><td>X</td><td></td></tr></table> => Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ được dùng trong phạm vi một hoặc một số địa phương nhất định.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (5 phút)

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	
a. Mục tiêu: Giúp HS: - Củng cố, vận dụng lí thuyết tiếng việt vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc đảm bảo tính mạch lac trong văn bản. **b. Nội dung:** Bài tập 3 **c. Sản phẩm học tập:** Cá nhân, sản phẩm nhóm trên phiếu học tập. **d. Tổ chức thực hiện**	
Hoạt động của thầy và trò	**Dự kiến sản phẩm**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Văn bản Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát đề cập đến nhiều nội dung như: hạt dẻ, cốm hạt dẻ, rừng cây mùa thu, du lịch Trùng Khánh, con người ở quê sống lâu và hiền hòa,..Như vậy có phải là văn bản thiếu mạch lạc không? Vì sao? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập: thảo luận theo cặp đôi, sau đó chia sẻ kết quả thảo luận trên lớp. GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần) **B3: Báo cáo, thảo luận** **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	**Bài tập 3:** Văn bản *Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát* đề cập đến rất nhiều vấn đề như: miêu tả hạt dẻ, cốm hạt dẻ, rừng cây mùa thu, du lịch Trùng Khánh, con người ở quê sống lâu và hiền hoà,... nhưng đều xoay quanh một vấn đề trung tâm là hạt dẻ và rừng dẻ Trùng Khánh, món quà mà thiên nhiên ban tặng vào mùa thu, có nhiều công dụng và lợi ích đối với cuộc sống của con người. Vì thế, VB đảm bảo tính mạch lạc.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

VIẾT NGẮN	
a. Mục tiêu: HS sáng tạo, tích hợpvận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc học đọc với việc học Tiếng Việt của bài học vào việc viết đoạn văn ngắn. **b. Nội dung:** Đoạn văn ngắn (từ 7 đến 10 câu) về loài cây em yêu. **c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS. **d. Tổ chức thực hiện**	
Hoạt động của thầy và trò	**Dự kiến sản phẩm**
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 7 đến 10 câu) về loài cây em yêu. **B2. Thực hiện nhiêm vụ:**	*Đoạn văn biểu cảm trực tiếp kết hợp biểu cảm gián tiếp:* Ở sân trường em có rất nhiều loại cây như là bàng, keo, xà cừ, nhưng

HS về nhà hoàn thành đoạn văn theo các yêu cầu trên. **B3. Báo cáo thảo luận:** Hs trình bày kết quả bài làm ở tiết viết. **B4: Kết luận, nhận định:** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	em thích nhất là cây phượng vĩ. Nhìn từ đằng xa, cây phượng giống như một cái ô khổng lồ. Thân cây sần sùi và nâu sẫm, ba đứa trẻ ôm không hết. Những cái rễ to đùng trồi trên mặt đất như những con trăn khổng lồ bò trên mặt đất. Những tán lá dang tay đón chào những chú chim đến hót cho bọn em nghe.

✳ **<u>Dặn dò</u>**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:
  + Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản.
  + Nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.
- Đối với bài học tiết sau:
  + Chuẩn bị tiết "Mùa phơi sân trước": Nắm được thông tin về tác giả Nguyễn Ngọc Tư, tác phẩm.
  + Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: Cảm xúc của nhân vật trữ tình; chất trữ tình trong văn bản; cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản; nội dung và nghệ thuật của văn bản.

Tiết:……

ĐỌC MỞ RỘNG:
MÙA PHƠI SÂN TRƯỚC
(Nguyễn Ngọc Tư)
(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn, nhận biết được chủ đề của văn bản, đồng thời biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Mùa phơi sân trước*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Mùa phơi sân trước* ;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu thương gia đình, quê hương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1 KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV cho HS nghe một đoạn bài hát.

c. Sản phẩm học tập: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV* cho HS nghe một đoạn bài hát Về quê của Phó Đức Phương.
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và cảm nhận.*
- *GV dẫn dắt vào bài học mới:* Theo lời ca, chúng ta cùng nhà văn guyễn Ngọc Tư trở về quê với những kỉ niệm tuổi thơ thật đẹp và dạt dào cảm xúc qua văn bản Mùa phơi sân trước.

2. HOẠT ĐỘNG 2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25 phút)

Hoạt động 1: Đọc văn bản (8 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời các câu hỏi: + Em hãy nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm của VB; + Nêu phương thức biểu đạt và mạch cảm xúc của VB. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả hoạt động và thảo luận** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. (GV giới thiệu thêm: - Đề tài sáng tác: các tác phẩm chỉ là những câu chuyện đời thường của những người nông dân bình dị, quê mùa nhưng lôi cuốn bởi cái nhìn đầy chân thật và nhân hậu - Phong cách: ngôn ngữ đậm chất Nam Bộ, không hề cao sang trau chuốt mà bình dị gần gũi với cuộc sống đời thường. - Vài nét về tác phẩm Bánh trái mùa xưa: Nguyễn Ngọc Tư trải lòng trong cái góc nhỏ miền Tây đã nuôi dưỡng tâm hồn chị. Góc nhỏ ấy có tấm lưng ông ngoại, có căn nhà chất đầy những món đồ hoài cổ, có mái hiên của bà cụ hiền như bà nội, có những chiếc bánh thảo thơm đồng bãi,… Cứ thế miền Tây hiện ra gần gũi tưởng như có thể chạm tới để cảm nhận cách sống, con người phóng khoáng nơi sông nước chứa chan tình cảm. Bánh Trái Mùa Xưa rất buồn. Buồn vì những gì đã mất đi không bao giờ còn có thể lấy lại. Buồn vì cuộc sống hiện đại chà mòn những vẻ đẹp đơn sơ thấm đẫm tình người. Buồn vì giá trị vật chất đang lấy đi những hoài niệm.)	**I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** **1. Tác giả** - Tên: Nguyễn Ngọc Tư; - Năm sinh: sinh năm 1976; - Quê quán: xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, trong một gia đình nông dân; - Nguyễn Ngọc Tư chuyên viết truyện ngắn, tiểu thuyết, viết tùy bút và làm thơ. Tác phẩm của nhà văn mang tính hiện thực sâu sắc vì đã phản ánh được chân dung đích thực với tâm tư, nguyện vọng và tình cảm của lớp người lao động nghèo khó ở Đồng bằng sông Cửu Long, bằng một phong cách nghệ thuật tiêu biểu cho lối viết chơn chất mà cô đọng của những người cầm bút ở phương Nam.. **2. Tác phẩm** - Các tác phẩm chính: Cánh đồng bất tận (tập truyện ngắn, 2005 - được dịch ra tiếng: Anh, Hàn, Thuỵ Điển), Gáy người thì lạnh (tản văn, 2012), Bánh trái mùa xưa (2012), Sông (tiểu thuyết, 2012), Chấm (thơ, 2013), Đào (tập truyện ngắn, 2014), Trầm tích (tập truyễn ngắn, 2014) - VB *Mùa phơi sân trước* được trích trong *Bánh trái mùa xưa*, NXB Văn học, Hà Nội, 2015 **3. Đọc, mạch cảm xúc** **- Thể loại: tản văn** - Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, **biểu cảm**; - Mạch cảm xúc: + Mở đầu văn bản là là khung cảnh thiên nhiên quanh con đường quê. + Khung cảnh thiên nhiên của Mùa Chạp. + Khung cảnh giàn phơi, ép chuối, ... + Khung cảnh nhớ lại những món ăn ngon.

Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi (17 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của VB.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**	**II. Suy ngẫm và phản hồi** **1. Cảm xúc của nhân vật trữ tình**

- GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS: + Tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình khi nhớ lại những kỉ niệm mùa phơi sân trước được thể hiện qua những chi tiết nào? + Từ những chi tiết đó giúp ta biết được tình cảm gì của tác giả? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. **NV2:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV lần lượt đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời: + Chất trữ tình là gì? + Tìm chi tiết thể hiện tính trữ tình trong văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. – Toàn bộ tác phẩm được kể theo dòng hồi tưởng của nhân vật tôi với những tình cảm, cảm xúc, tâm trạng khác nhau. – Khung cảnh thiên nhiên và cảnh vật trong kỷ niệm về mùa phơi sân trước: + Mở đầu văn bản là là khung cảnh thiên	+ Hồi con nít thích đi xe đạp về nhà ngoại: Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra Giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tợp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me, … đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời; + Vậy là nước miếng mình ứa ra, trên từng mét đường về nhà ngoại. + Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mời gọi trong sân thiên hạ. + Cái hủ mắm tép dầm nắng sát hàng rào làm mình nhớ nhung chuối chát, khế chua cùng với gừng xắt mịn thì mâm mứt tắc đỏ au đằng kia làm mình lịm chết một cách lim dim như tụi kiến. + Nắng gió khiến mọi niềm vui, nỗi buồn bày ra như một cuộc diễu hành, không che giấu khách qua đường. + Bỗng nghe nhẹ nhõm khi nhìn theo bóng nhỏ đưa chiếc đò về bên kia sống. + Cũng may qua mỗi Chạp,...mình bỗng bâng quơ nhớ. + Nhận ra trên giàn cũng phơi những thân phận người. + Mình bỗng nghe nhẹ nhõm khi nhìn theo bóng nhỏ đưa chiếc đò về bên kia sông. ➔ *Nhớ nhung, thèm thuồng những món ăn mang hương vị quê nhà, thương những mảnh đời nghèo khó* => *Tình yêu quê hương sâu nặng* **2. Chất trữ tình trong văn bản** - Nỗi nhớ của mình về "mùa phơi sân trước" - Sử dụng các từ ngữ miêu tả đã khiến cho quang cảnh thiên nhiên, các sự vật, sự việc trở nên gần gũi và thân thuộc hơn.

nhiên quanh con đường quê. + Khung cảnh thiên nhiên của Mùa Chạp. + Khung cảnh giàn phơi, ép chuối,…. + Khung cảnh nhớ lại những món ăn ngon. – Con người được đặt trong mối quan hệ bình dị, thân thương, đẹp đẽ. – Ngôn từ giàu cảm xúc, giàu tính tạo hình kết hợp cùng giọng điệu tâm tình, thủ thỉ **NV3:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV lần lượt đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời: + Cái tôi là gì? + Cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản? + Từ đó xác định chủ đề của văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. + Từ ngữ xưng hô: “mình, người ta + Sự việc mà tác giả quan sát: quết bánh phồng tôm, làm kiệu, phơi chuối,… Cái "tôi" của tác giả đã thể hiện trong văn bản đó là về cái tôi có góc nhìn bao quát về những điều xảy ra trong thời tuổi thơ của mình. → bộc lộ được những tình cảm, cảm xúc của mình đối với quê nghèo và thân phận con người qua các cách xây dựng, cách miêu tả thiên nhiên đầy trữ tình, lắng đọng.	**3. Cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản** - Cái tôi có góc nhìn bao quát về những điều xảy ra trong thời tuổi thơ của mình. → bộc lộ được những tình cảm, cảm xúc của mình - Chủ đề của văn bản: những kỉ niệm tuổi thơ ùa về về "mùa phơi sân trước".
III. TỔNG KẾT **Hoạt động 3: Củng cố lại giá trị văn bản** **a. Mục tiêu:** Khắc sâu về nội dung và nghệ thuật của văn bản. **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS. **d. Tổ chức thực hiện:**	
NV4: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV lần lượt đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời: + Khái quát giá trị của văn bản?	**III. TỔNG KẾT** **1. Nghệ thuật** - Câu chữ đơn giản mà lại đẹp lạ thường - Cái tôi tinh tế, nhạy cảm và giàu tình yêu thương, trân trọng những kỉ niệm đẹp đẽ thời

- HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	ấu thơ của mình **2. Nội dung** Văn bản là một văn bản văn xuôi ngắn gọn, mang tính trữ tình, tự sự, miêu tả sâu sắc về những kỉ niệm đẹp đẽ của tác giả trước mùa phơi sân trước. Qua văn bản, tác giả bộc lộ trực tiếp tình cảm yêu mến, suy nghĩ vấn vương về những kỉ niệm nơi đây.

3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP: (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Xác định chủ đề của văn bản và cho biết dựa vào đâu em xác định như vậy.

- GV hướng dẫn:

- Chủ đề của văn bản: những kỉ niệm tuổi thơ ùa về về "mùa phơi sân trước".
- Dựa vào nội dung trong văn bản miêu tả những hình ảnh, sự việc quen thuộc đối với tác giả, đồng thời cũng thể hiện cảm xúc, tình cảm của ông trước những kỉ niệm gắn bó với tuổi thơ nên em xác định được.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG: (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Chỉ ra những đặc điểm của tản văn được thể hiện trong văn bản?

- GV hướng dẫn:

Những đặc điểm của tản văn thể hiện trong văn bản:

+ Trong bài sử dụng miêu tả những hình ảnh, sự việc quen thuộc đối với tác giả, đồng thời cũng thể hiện cảm xúc, tình cảm của ông trước những kỉ niệm gắn bó với tuổi thơ.

+ Tác giả đã thể hiện cái tôi.

+ Ngôn từ trong bài mang hơi thở đời sống và đầy chất chữ tình.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

✳ **<u>Dặn dò</u>**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:

+ Nắm được thông tin về tác giả Nguyễn Ngọc Tư, tác phẩm.

+ Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: Cảm xúc của nhân vật trữ tình; chất trữ tình trong văn bản; cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản; nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Đối với bài học tiết sau:

+ Chuẩn bị tiết "Viết bài văn bản biểu cảm về con người, sự vật.": Nắm các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người, sự việc; cách viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc.

+ Sưu tầm một bài bài phát biểu cảm nghĩ về con người, sự việc và thực hành tóm tắt.

Tiết:……

VIẾT
VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI, SỰ VIỆC
(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Viết được bài văn biểu cảm về con người, sự việc.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1 KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Điền vào phiếu KWL
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, báo cáo kết quả hoạt động.*
- *GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học viết bài văn biểu cảm.*

2. HOẠT ĐỘNG 2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (55 phút)

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người, sự việc (10 phút)

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người, sự việc

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Theo em, một bài văn biểu cảm về con người, sự việc cần đáp ứng những yêu cầu gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện**	**1. Yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người, sự việc** - Tình cảm trong bài văn phải chân thực trong sáng; - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc; - Kết hợp với miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ

nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	cho việc biểu lộ cảm xúc; **1. Văn biểu cảm** là loại văn được viết ra nhằm mục đích thể hiện những tình cảm, cảm xúc cũng như cách nhìn nhận, đánh giá, quan điểm của con người đối với thế giới xung quanh, trước những đối tượng gây cảm xúc hay những vấn đề đặt ra trong cuộc sống. **2. Bố cục bài viết bao gồm 3 phần**: + MB: Giới thiệu đối tượng biểu cảm, biểu đạt cảm xúc chung về đối tượng; + TB: biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng. (*Đối với bài văn biểu cảm về con người, người viết cần biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm gắn với người đó. Đối với bài văn biểu cảm về sự việc, người viết có thể biểu lộ cảm xúc theo trình tự diễn tiến của sự việc*) + KB: khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo (20 phút)

a. Mục tiêu: Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn trình bày cảm xúc đối với sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi: + Bài viết này có bố cục như thế nào? Nêu nội dung từng phần? + Bài văn trên được viết để bộc lộ cảm xúc về điều gì? + Tìm trong đoạn mở bài câu giới thiệu sự việc, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết đối với sự việc. + Ở phần thân bài, người viết đã biểu lộ cảm xúc như thế nào về sự việc? Để làm rõ những cảm xúc ấy, người viết đã sử dụng những yếu tố hỗ trợ nào? + Ở đoạn kết bài, người viết đã trình bày nội dung ra sao? + Từ bài viết trên, em rút ra được những lưu ý gì về cách viết bài văn biểu cảm về sự việc? **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	**2. Phân tích bài viết tham khảo:** - Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn biểu cảm về con người, sự việc: + Giới thiệu và biểu lộ cảm xúc của con người về đối tượng: lễ đón giao thừa; Trong đoạn mở bài: - Câu giới thiệu sự việc: Thời gian làm xóa nhòa nhiều thứ, nhưng không sao xóa đi mảnh kí ức đặc biệt trong tôi, về một lần cách đây nhiều năm trước, tôi đã đón cái Tết ở Cần Thơ - mảnh đất cha tôi sinh ra, cũng là nới gieo cho tôi bao nhớ thương. - Câu văn thể hiện cảm xúc của người viết đối với sự việc: + Thành phố phồn hoa biết mất, thế mà tôi lại nặng tình tha thiết với quê hương. + Lời ca như cơn gió ngang qua đưa tâm trí tôi mơn man trở về tháng ngày của cõi nhớ. - Ở phần thân bài, người viết đã biểu lộ cảm xúc xúc động bồi hồi khi nhớ về những kí ức, lòng đầy xao xuyến, ấm áp khi được sum vầy, đoàn tụ với gia đình và lắng lại khi đến

Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	giây phút giao thừa. - Để làm rõ những cảm xúc ấy, người viết đã sử dụng thêm yếu tố miêu tả và tự sự để hỗ trợ. Ở đoạn kết bài, người viết đã trình bày nội dung về cảm xúc, nỗi nhớ của bản thân khi không thể về quê ăn Tết bằng cách sử dụng lặp từ "nhớ" để nói về nỗi nhớ da diết của mình và dùng câu cảm thán ở cuối đoạn. Từ bài viết trên, em rút ra được những lưu ý về cách viết bài văn biểu cảm về sự việc như sau: - Giới thiệu được cảm xúc của mình khi viết về một sự việc. - Biểu lộ được tình cảm vào trong bài, kết hợp với các yếu tố miêu tả, tự sử để lí giải cảm xúc đó. - Khẳng định được tình cảm, cảm xúc về sự việc đó. - Rút ra điều đáng nhớ nhất đối với bản thân.

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước (25 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV nêu yêu cầu:
+ Viết bài văn trình bày cảm xúc đối với sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?
- GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.
- Hướng dẫn HS tìm ý.
- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn sự việc ấn tượng nhất, tìm ý cho đoạn văn theo Phiếu học tập sau:
<table>
<tr><td>Những kỉ niệm nào khiến em ấn tượng sâu sắc nhất?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Kỉ niệm đó diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Khung cảnh diễn ra sự việc có gì đạc biệt?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Trong cảnh, con người có những hoạt động gì?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?</td><td>…….</td></tr>
</table>
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
- HS báo cáo kết quả;
</td><td>
3. Các bước tiến hành
Trước khi viết
- Lựa chọn đề tài;
- Tìm ý;
- Lập dàn ý.
Viết bài
Chỉnh sửa
</td></tr>
</table>

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	

3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP: (10 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Khi viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc, làm thế nào để thể hiện tình cảm của người viết một cách chân thực, thuyết phục? **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	Để thể hiện tình cảm một cách chân thực, thuyết phục bài văn biểu cảmvề con người, sự việc, cần: – Xác định đúng cảm xúc về đối tượng. – Tình cảm được thể hiện phải chân thực, trong sáng. – Kết hợp được miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc. – Trình bày các ý một cách rõ ràng, mạch lạc.

4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG: (15 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Vẽ sơ đồ dàn ý cho đề bài sau: *Hãy viết một bài văn biểu cảm (độ dài khoảng 400 từ) về một người bạnhoặc về một kỉ niệm sâu sắc của em.* **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời câu hỏi;	<table><tr><td>MỞ BÀI</td><td>– Giới thiệu cảm xúc của người viết về đối tượng (sự việc): …… – Cảm xúc đó được biểu hiện như thế nào/ gắn với sự việc, sự kiện gì:. . . . . .</td></tr><tr><td>THÂN BÀI</td><td>– Cảm xúc về đối tượng, sự việc: …….</td></tr><tr><td>KẾT BÀI</td><td>– Khẳng định lại cảm xúc: …… – Rút ra điều đáng nhớ đối với</td></tr></table>

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	bản thân: ...……

✳ **<u>Dặn dò</u>**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:

+ Nắm lại các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người, sự việc.
+ Nắm lại cách viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc.
+ Sưu tầm một bài bài phát biểu cảm nghĩ về con người, sự việc và thực hành tóm tắt.

- Đối với bài học tiết sau:

Chuẩn bị tiết "Tóm tắt ý chính do người khác trình bày": Ôn tập các bước tóm tắt ý chính do người khác trình bày; các nhóm chuẩn bị bài bài văn biểu cảm về con người, sự việc; bài phát biểu cảm nghĩ của học sinh đã được trình bày trong buổi Khai giảng năm học; thực hành tóm tắt ý chính bài văn biểu cảm đã chuẩn bị.

Tiết:……

NÓI VÀ NGHE:
TÓM TẮT NỘI DUNG TRÌNH BÀY CỦA NGƯỜI KHÁC
(2 tiết)

I. MỤC TIÊU:
1. Kiến thức:
– Tóm tắt ý chính do người khác trình bày.
2. Về năng lực:
a. Năng lực chung:
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe bài phát biểu cảm nghĩ của người khác và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các bài phát biểu cảm nghĩ của bạn.
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
b. Năng lực đặc thù:
- Biết ghi lại các ý cốt lõi, nội dung cơ bản, tóm lược các ý dưới dạng cụm từ.
- Biết cách tóm tắt nội dung trình bày của người khác hoặc tài liệu.
2. Về phẩm chất:
- Chăm chỉ: ghi chép lại những nội dung của cuộc trao đổi.
- Trách nhiệm: biết lắng nghe, đánh giá, trân trọng ý kiến người khác, trình bày, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
- SGK, SGV, máy tính; video.
- Bảng kiểm kĩ năng tóm tắt ý chính bài văn biểu cảm do người khác trình bày.
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:
1. HOẠT ĐỘNG 1 KHỞI ĐỘNG: (5 phút)
a. Mục tiêu:
– Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
– Kích hoạt được những hiểu biết nền liên quan đến kĩ năng tóm tắt nội dung trình bày của người khác.
b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
c. Sản phẩm học tập: Nhận thức và thái độ học tập của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Em đã từng tóm tắt lại nội dung một cuộc nói chuyện, một cuộc họp hoặc một bài văn nào?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
- GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ thực hành nói và nghe về chủ đề ***Tóm tắt nội dung trình bày của người khác***.
2. HOẠT ĐỘNG 2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. (50 phút)
Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói. (10 phút)
a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.
b. Nội dung:
- GV đưa ra tình huống để yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tóm tắt, nhắc lại vai trò của người nói và người nghe để thực hiện một bài tóm tắt.
- HS trả lời câu hỏi, chuẩn bị nội dung nói và luyện nói trước ở nhà.
c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	**1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành:**

GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe; - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói; - GV hướng dẫn HS luyện nói (luyện tóm tắt) theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Ghi lên bảng.	**Tình huống:** Em hãy vận dụng kĩ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày (về đoạn văn) để tóm tắt được ý chính bài văn biểu cảm do bạn mình trình bày. **Trong vai trò người nói:** Trình bày bài văn biểu cảm về con người, sự việc. **Trong vai trò người nghe:** ***Bước 1: Lắng nghe và ghi tóm tắt.*** - Lắng nghe nội dung trình bày: cần nghe hết câu, hết ý để hiểu rõ điều người trình bày muốn nói. - Ghi chép tóm tắt nội dung trình bày: + Căn cứ trên thực tế ý kiến của người phát biểu để ghi tóm tắt. + Tóm lược các ý chính dưới dạng từ, cụm từ. - Dùng các kí hiệu như các số thứ tự, gạch đầu dòng,... để thể hiện tính hệ thống của các ý kiến. ***Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa.*** - Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉnh sửa các sai sót (nếu có). - Xác định với người nói về nội dung em vừa tóm tắt. Trao đổi lại những ý kiến em chưa hiểu rõ hoặc có quan điểm khác.

Hoạt động 2: Thực hành (30 phút)

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói, tóm tắt.

b. Nội dung: HS theo dõi bài phát biểu cảm nghĩ của bạn, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá tóm tắt theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS tóm tắt nội dung mà các bạn trong nhóm 1 đã trình bày. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** GV hướng dẫn HS tóm tắt theo phiếu tiêu chí. HS xem lại phần tóm tắt đã đúng với yêu cầu hay chưa. **Bước 3: Thảo luận, báo cáo GV** - Yêu cầu HS trình bày phần tóm tắt trước lớp. HS: Đại diện trình bày, các em còn lại theo dõi và lắng nghe, nhận xét theo phiếu đánh giá tiêu chí. **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).**	**Sản phẩm** - HS trình bày phần tóm tắt trước lớp. - Yêu cầu tóm tắt: + Ngắn gọn, khoa học, rõ ràng. + Nội dung bám sát ý kiến trình bày của nhóm 1. + Tóm lược được các ý chính dưới dạng từ, cụm từ, kí hiệu, hình vẽ…. + Nói to, rõ ràng, mạch lạc. + Giọng điệu, nhịp điệu, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. - Hoàn thành bảng: Tiêu chí đánh giá bài tóm tắt nội dung trình bày của người khác. MỞ BÀI: − Giới thiệu cảm xúc của người viết về đối tượng (sự việc): …… − Cảm xúc đó được biểu hiện

- Nhận xét chung về ý thức tham gia hoạt động tóm tắt của HS. - Hoàn thành bảng: Tiêu chí đánh giá bài tóm tắt nội dung trình bày của người khác. - GV dùng Bảng kiểm đánh giá thái độ, hành vi của học sinh khi làm việc nhóm. - GV dùng Bảng kiểm đánh giá thái độ, hành vi của học sinh nghe tóm tắt.	
	như thế nào/ gắn với sự việc, sự kiện gì:. . . . .
THÂN BÀI	– Cảm xúc về đối tượng, sự việc: …….
KẾT BÀI	– Khẳng định lại cảm xúc: …..……. – Rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân: ...……

Hoạt động 3: Thảo luận nhóm (10 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày, phần tóm tắt.

b. Nội dung: HS theo dõi bài phát biểu cảm nghĩ của bạn, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) 1. Trình chiếu phiếu đánh giá hoạt động tóm tắt theo các tiêu chí. 2. Yêu cầu HS đánh giá bài tóm tắt của bạn theo tiêu chí. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá hoạt động tóm tắt của bạn theo phiếu tiêu chí. HS quan sát hoạt động tóm tắt của bạn và ghi nhận xét ra giấy. **Bước 3: Thảo luận, báo cáo.** GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. HS nhận xét, đánh giá hoạt động tóm tắt của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. **Bước 4: Kết luận, nhận định.** - GV nhận xét hoạt động tóm tắt của HS, nhận xét cách nhận xét của HS. - GV dùng Bảng kiểm đánh giá thái độ, hành vi của học sinh nghe tóm tắt.	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS. <table><tr><th>Nội dung kiểm tra</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>Bài tóm tắt thể hiện đầy đủ chính xác phần trình bày của bạn.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Ghi được ngắn gọn các thông tin chính mà người khác trình bày bằng các từ khóa, sơ đồ.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Các ý được tóm tắt rõ ràng mạch lạc.</td><td></td><td></td></tr></table>

3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP (20 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói, luyện tóm tắt nội dung.

b. Nội dung: HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, thực hành nói và nghe lại.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: *Chiếu vi deo ngắn và cho học sinh tóm tắt nội dung bằng sơ đồ: bài phát biểu cảm nghĩ của học sinh đã được trình bày trong buổi Khai giảng năm học.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** - HS suy nghĩ, viết. - Gv quan sát, hỗ trợ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.** - Hs báo báo kết quả.	- Tóm tắt lại bài phát biểu cảm nghĩ của học sinh đã được trình bày trong buổi Khai giảng năm học bằng sơ đồ: ngắn gọn, khoa học.

- Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG. (10 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói, luyện tóm tắt nội dung.

b. Nội dung: HS dựa vào góp ý của các bạn và GV rút ra những bài học kinh nghiệm về kĩ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày để có thể sử dụng trong cuộc sống:

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV yêu cầu: Em hãy nêu ít nhất hai bài học kinh nghiệm về kĩ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày để có thể sử dụng trong cuộc sống.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
<table>
<tr><td>Tâm thế tôi cần chuẩn bị là……</td></tr>
<tr><td>Để không bỏ sót ý chính do người khác trình bày, tôi cần…….</td></tr>
<tr><td>Để đảm bảo bài tóm tắt thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, tôi cần……...</td></tr>
<tr><td>Để ghi được ngắn gọn các thông tin, tôi nên……...</td></tr>
<tr><td>Tôi thể hiện các ý rõ ràng, mạch lạc bằng cách……</td></tr>
</table>
▲ Tại sao khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày, ta cần đọc lại và chỉnh sửa phần ghi chép?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.
- HS suy nghĩ, viết.
- Gv quan sát, hỗ trợ.
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.
- Hs báo báo kết quả.
- Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.
</td><td>
Những bài học kinh nghiệm về kĩ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày để có thể sử dụng trong cuộc sống:
– Tâm thế tôi cần chuẩn bị là sự lắng nghe, tinh thần cầu thị.
– Để không bỏ sót ý chính do người khác trình bày, tôi cần tập trung lắng nghe và ghi chép.
– Để đảm bảo bài tóm tắt thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, tôi cần lắng nghe, ghi lại ngắn gọn nhưng không bỏ sót chi tiết quan trọng, ghi từ khoá.
– Để ghi được ngắn gọn các thông tin, tôi nên tập viết nhanh, sử dụng hệ thống kí hiệu, viết tắt hoặc sơ đồ trình bày.
– Tôi thể hiện các ý rõ ràng, mạch lạc bằng cách ghi các ý theo thứ tự hoặc vẽ sơ đồ nội dung tóm tắt.

● Việc đọc lại và chỉnh sửa phần ghi chép giúp ta đảm bảo nội dung ghi chép chính xác và đầy đủ ý chính. Thông qua quá trình đọc lại và xác nhận thông tin với những người nghe khác, ta có thể nhận ra những chỗ nghe chưa đúng hoặc những nội dung quan trọng còn thiếu sót, từ đó chỉnh sửa kịp thời.
</td></tr>
</table>

✳ **<u>Dặn dò</u>**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:

+ Nắm lại các bước tóm tắt ý chính bài văn biểu cảm do người khác trình bày (Bước 1: Lắng nghe và ghi tóm tắt. Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa.)

+ Nắm lại lại các yêu cầu kĩ năng tóm tắt ý chính bài văn biểu cảm do người khác trình bày.

+ Sưu tầm một bài bài phát biểu cảm nghĩ về con người, sự việc và thực hành tóm tắt.

- Đối với bài học tiết sau:

Chuẩn bị tiết "Ôn tập": Soạn bảy câu hỏi sách giáo khoa trang 95.

✳ **<u>Tài liệu tham khảo dành cho học sinh:</u>**

- Các bài phát biểu cảm nghĩ về con người, sự việc. (Nguồn internet hoặc sách "Bài văn mẫu lớp 7").

✳ **RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY:**

……
……
……
……

--- Hết---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Em hãy điền những từ thích hợp vào chỗ trống?

Tâm thế tôi cần chuẩn bị là……..
Để không bỏ sót ý chính do người khác trình bày, tôi cần…….
Để đảm bảo bài tóm tắt thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, tôi cần……...
Để ghi được ngắn gọn các thông tin, tôi nên……...
Tôi thể hiện các ý rõ ràng, mạch lạc bằng cách……

Tâm thế tôi cần chuẩn bị là sự lắng nghe, tinh thần cầu thị.
Để không bỏ sót ý chính do người khác trình bày, tôi cần tập trung lắng nghe và ghi chép.
Để đảm bảo bài tóm tắt thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, tôi cần lắng nghe, ghi lại ngắn gọn nhưng không bỏ sót chi tiết quan trọng, ghi từ khoá.
Để ghi được ngắn gọn các thông tin, tôi nên tập viết nhanh, sử dụng hệ thống kí hiệu, viết tắt hoặc sơ đồ trình bày.
Tôi thể hiện các ý rõ ràng, mạch lạc bằng cách ghi các ý theo thứ tự hoặc vẽ sơ đồ nội dung tóm tắt.

PHỤ LỤC:

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ
THÁI ĐỘ, HÀNH VI CỦA HỌC SINH KHI LÀM VIỆC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Xác định rõ ràng nhiệm vụ thảo luận		
2	Tích cực bàn bạc để phân công nhiệm vụ		
3	Tích cực trao đổi, chia sẻ thông tin trong nhóm		
4	Tích cực thực hiện nhiệm vụ được phân công		
5	Cả nhóm tích cực hoàn thành nhiệm vụ thảo luận		
6	Nhận ra và điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân khi được GV góp ý.		
7	Học sinh lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.		

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ THÁI ĐỘ, HÀNH VI CỦA HỌC SINH NGHE

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Tích cực trao đổi, chia sẻ thông tin trong nhóm		
2	Tích cực thực hiện nhiệm vụ được phân công		
3	Cả nhóm tích cực hoàn thành nhiệm vụ thảo luận		
4	Nhận ra và điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân khi được GV góp ý.		
5	Học sinh lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.		

Tiết:……

ÔN TẬP – BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN
(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.
- Hệ thống các kiến thức đã học về một số nét độc đáo của các văn bản.
- HS nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gởi đến người đọc; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Hệ thống lại kiến thức về chủ đề "Quà tặng của thiên nhiên"
- Biết tóm tắt ý chính do người khác trình bày.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: Yêu quý trân trọng và bảo vệ thiên nhiên.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.

3. Về năng lực:

3.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

3.2. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nắm bắt nội dung các văn bản đã học.

- Năng lực văn học:

+ Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.

+ Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

+ Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

+ Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản biểu cảm về con người sự việc.

+ Tóm tắt được ý chính do người khác trình bày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Chuẩn bị của giáo viên: Đọc kĩ SGK, SGV, máy chiếu, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc, tìm hiểu bài: Ôn tập (SGK – 95). Trả lời các phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠYHỌC:

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi và củng cố bài học.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức trò chơi: "***Ai nhanh hơn***" cho hai đội; yêu cầu HS nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 4.

1/ Tác giả của văn bản "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát" là ai?

A. Vũ Bằng C. Đỗ Trọng Khơi.

B. Y Phương D. Nguyễn Ngọc Tư

2. Chủ đề của văn bản "Cốm Vòng" là gì?

A. Nói về Cốm làng Vòng -Một thức quà của lúa non, đặc biệt nhất trong lòng Hà Nội.

B. Hạt dẻ Trùng Khánh vào mùa thu dưới cái nhìn đầy tự hào của người con nơi quê hương mình.

C. Những kỉ niệm tuổi thơ ùa về về "mùa phơi sân trước"

3. Xác định thể loại của văn bản "Thu sang".

A. Thơ lục bát C.Thơ năm chữ

B. Thơ bốn chữ D. Thơ bảy chữ

4.Trong nhưng từ ngữ sau, từ nào là từ địa phương?

A. Chè xanh C. Bát đĩa

B. Ba má D. Ngô khoai

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, chia sẻ ý kiến.
- Đội nào trả lời nhanh và đầy đủ nhất sẽ được điểm thưởng.
- Sau khi HS trả lời xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (27 phút)

1. Tóm tắt các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút mà em đã học.

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức về đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút đã học.

b. Nội dung: HS xem lại nội dung bài học và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ. ? Hãy tóm tắt các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút mà em đã học. **B2: Thực hiện nhiệm vụ.** **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút đã học. **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** - **GV**: - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm… - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn. **HS**: - Trả lời câu hỏi. - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.** - Nhận xét thái độ làm việc của HS. - Đánh giá sản phẩm của HS. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. **d) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.	Các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút: - Chất trữ tình trong thể loại tản văn, tùy bút: yếu tố được tạo từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ của tác giả trước hiện tượng và vấn đề của đời sống. - Cái tôi trong tản văn, tùy bút: yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản và các từ nhân xưng ngôi thứ nhất. - Ngôn ngữ tản văn, tùy bút: tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình.

2. Ôn lại các văn bản đã học.

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết được chủ đề, dấu hiệu nhận biết cái tôi và tình cảm, cảm xúc của người viết .

- Hiểu được tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức cho HS hoạt động nhóm.
- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr><td>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)
- Phát phiếu học tập số 1.
- Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:
? Đọc lại các văn bản trong bài và điền vào phiếu học tập.
Phiếu học tập số 1
<table>
<tr><td>Văn bản</td><td>Chủ đề</td><td>Dấu hiệu nhận biết cái tôi của người viết</td><td>Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản</td></tr>
<tr><td>Cốm Vòng</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Mùa phơi sân trước</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
B2: Thực hiện nhiệm vụ.
HS:
- Làm việc cá nhân 2.’ (đọc SGK, tìm chi tiết)
- Làm việc nhóm 3’. (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để
</td><td>
<table>
<tr><td>Văn bản</td><td>Chủ đề</td><td>Dấu hiệu nhận biết cái tôi của người viết</td><td>Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản</td></tr>
<tr><td>Cốm Vòng</td><td>Nói về Cốm làng Vòng - Một thức quà của lúa non, đặc biệt nhất trong lòng Hà Nội.</td><td>Sử dụng ngôi thứ nhất làm nhân xưng</td><td>- Ăn miếng cốm cho ra miếng cốm; tỏ ra một chút gì thanh lịch, cao quý; tiếc từng hạt rơi, hạt vãi; ăn từng chút một; nhón từng chút một; nhai nhỏ nhẹ; ngẫm nghĩ tính chất thơm, tính chất ngọt của cốm; ăn một miếng cốm vào miệng là nuốt hương thơm của cánh đồng quê.
- Một ngày đầu tháng Tám, ...quê hương làm cho ta nhẹ nhõm và đôi khi...phơi phới.
- Ta vừa nhau nhỏ nhẹ, ... ta sẽ thấy rằng ăn một miếng cốm vào miệng là ta nuốt cả hương thơm của những cánh đồng quê của</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

hoàn thành phiếu học tập). - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm và hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận.** **GV:** - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày. **HS:** - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. - GV: Chiếu video, liên hệ mở rộng kiến thức. =>***GDĐĐ***: Giáo dục lòng yêu quý, trân trọng và bảo vệ thiên nhiên.				ông cha ta vào lòng.
	Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát	Hạt dẻ Trùng Khánh vào mùa thu dưới cái nhìn đầy tự hào của người con nơi quê hương mình.	Sử dụng ngôi thứ nhất làm nhân xưng	- Trên khắp đất nước ta, không đâu có giống mác lịch ngon ngọt và thơm bùi như ở Trùng Khánh. - Cái đó thì ...vưỡn. - Cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân. - Hạt dẻ rơi rơi như mưa màu nâu. Đó là bản nhạc mùa thu ở quê tôi không thể nào quên. - Đó là điểm du lịch mang màu sắc, hương vị của tình yêu
	Mùa phơi sân trước	Những kỉ niệm tuổi thơ ùa về về "mùa phơi sân trước"	Sử dụng ngôi thứ nhất làm nhân xưng	- Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra Giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tợp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me,...đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời. - Vậy là nước miếng mình ứa ra, trên từng mét đường về nhà ngoại. - Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mời gọi trong sân thiên hạ....

3. Cảm nhận về cái tôi của người viết trong văn bản "Cốm Vòng" và "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát" .

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết được "cái tôi" của tác giả.
- Hiểu được cái tôi của người viết được thể hiện trong văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân cho HS.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung. (nếu cần)

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr><td>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)
- Phát phiếu học tập số 2.
- Giao nhiệm vụ:
? Đọc lại các văn bản trong bài và điền vào phiếu học tập.
Phiếu học tập số 2
<table>
<tr><th>Văn bản</th><th>Cảm nhận cái tôi của người viết</th></tr>
<tr><td>Cốm Vòng</td><td></td></tr>
<tr><td>Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát</td><td></td></tr>
</table>
B2: Thực hiện nhiệm vụ.
HS:
- Làm việc cá nhân 3.' (đọc SGK, tìm hiểu về "cái tôi" của người viết).
- Báo cáo kết quả cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho phần trình bày của bạn.
GV: Hướng theo dõi, quan sát và hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).
B3: Báo cáo, thảo luận.
GV:
- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).
HS:
- Báo cáo sản phẩm của bản
</td><td>
<table>
<tr><th>Văn bản</th><th>Cảm nhận cái "tôi" của người viết</th></tr>
<tr><td>Cốm Vòng</td><td>-Cái tôi của tác giả Vũ Bằng tinh tế, sâu sắc, có chiều sâu về văn hóa.</td></tr>
<tr><td>Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát</td><td>- Cái tôi của tác giả Y Phương mộc mạc, chân chất; đồng thời lại rất giàu kinh nghiệm sống và tính triết lí về nhân sinh.</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

thân. - Theo dõi, nhận xét và bổ sung cho phần trình bày của bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.	

3. Hướng dẫn HS ôn tập các nội dung còn lại.

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết được những điều cần lưu ý khi viết bài văn biểu cảm về sự việc và tóm tắt ý chính do người khác trình bày.
- Hiểu được ý nghĩa sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân cho HS.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung. (nếu cần)

c. Sản phẩm học tập: Kết quả bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
** Câu 4: ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*** + GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ. - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nhóm đôi. HS trình bày sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền có ý nghĩa như thế nào? Nêu một vài ví dụ thể hiện sự khác biệt ấy. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ. ***Bước 3: Báo cáo kết quả .*** - HS báo cáo kết quả - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. ***B4: Kết luận, nhận định (GV)*** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	**<u>Câu 4</u>:** - Sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Nó tạo nên sự phong phú, đa dạng khi người dùng sử dụng. Đồng thời, việc khác biệt đó cũng thể hiện rõ văn hóa đặc trưng giữa các miền trong cùng một đất nước. - Một vài ví dụ thể hiện sử khác biệt ấy: + Miền Bắc gọi là "ngõ", miền Trung gọi là "kiệt", miền Nam gọi là "hẻm" + quả dứa: Miền Bắc (quả dứa); miền Trung (trái gai); miền Nam (trái thơm, khóm). + bố mẹ: Miền Bắc (bố -mẹ, thầy- u); miền Trung (bọ- mạ); miền Nam (tía- má). + ngõ: Miền Bắc gọi là "ngõ", miền Trung gọi là "kiệt", miền Nam gọi là "hẻm"
** Câu 5 ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*** - GV yêu cầu từng cá nhân viết vào vở những suy nghĩ của mình về những điều em cần lưu ý khi viết bài văn biểu cảm về sự việc và tóm tắt ý chính do người khác trình bày. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	**<u>Câu 5</u>:** - Khi viết bài văn biểu cảm về sự việc, em cần lưu ý những điều sau: + Giới thiệu cảm xúc của mình khi viết về một sự việc. + Bộc lộ tình cảm trong bài văn, kết

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ. ***Bước 3: Báo cáo kết quả .*** - GV gọi 2-3 HS trình bày sản phẩn cá nhân. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. ***B4: Kết luận, nhận định (GV)*** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	hợp với các yếu tố hỗ trợ như miêu tả, tự sự để lí giải cảm xúc đó. + Khẳng định được tình cảm, cảm xúc về sự việc đó trong bài. + Rút ra điều đáng nhớ nhất đối với bản thân. - Khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày, em cần lưu ý những điều sau: + Bài tóm tắt phải đảm bảo đầy đủ, chính xác về nội dung. + Ghi ngắn gọn các thông tin chính mà người khác trình bày bằng các từ khóa, sơ đồ,... + Các ý chính trong bài cần được tóm tắt rõ ràng, mạch lạc.

3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học và ý nghĩa của thiên nhiên đối với cuộc sống của con người.

b) Nội dung:

- GV ra bài tập.
- HS làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập 7)

Từ những gì đã học trong bài học này, em hãy trả lời câu hỏi: quà tặng của thiên nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ ý kiến của mình.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm.
- HS đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

<u>Gợi ý trả lời:</u>

Đời sống của con người nói luôn gắn liền với thiên nhiên. Đối với cuộc sống của con người, thiên nhiên như là quà tặng bởi nó chính là nơi cung cấp các nguồn tài nguyên để phục vụ cho cuộc sống và sản xuất sinh hoạt của con người. Bởi vật, thiên nhiên có vai trò rất quan trọng đối với tất cả con người cũng như tất cả những sinh vật sống trên trái đất. Và nếu chúng ta biết khai thác, sử dụng hợp lí cũng như bảo tồn, gìn giữ thiên nhiên thì nó sẽ trở thành một trong những tài sản quý giá nhất của con người chúng ta.

4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về những món quà mà thiên nhiên ban tặng cho em mỗi ngày.

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác và nêu lên những việc làm cụ thể của bản thân có thể làm để giúp thiên nhiên tươi đẹp.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập và vận dụng kiến thức bài học đưa ra việc làm cho bản thân.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS.

Ghi lại những món quà mà thiên nhiên ban tặng cho em mỗi ngày và những việc em có thể làm để giúp thiên nhiên tươi đẹp hơn (làm vào vở).

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.
- GV hướng dẫn HS cách làm.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.
- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày
- HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Gợi ý trả lời:

Quà tặng từ thiên nhiên	**Việc em có thể làm để thiên nhiên tươi đẹp hơn**
Cây và hoa	Bón phân, tỉa cành, tưới nước hằng ngày
Các loài động vật	Không săn bắt,giết hại
Bãi biển đẹp	Không xả rác, tham gia các hoạt động tình nguyện dọn rác ngoài bờ biển
Nguồn nước sạch	Không đổ dầu ăn trực tiếp vào bồn rửa chén, không sử dụng thuốc trừ sâu
Không khí trong lành	Trồng cây xanh, hạn chế các hoạt động đốt cháy, sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng

✳ **Dặn dò: (3 phút)**

– Đối với bài học tiết này:

+ Đọc lại bài, nắm kĩ các nội dung đã ôn và các bài tập đã làm.

– Đối với bài học tiết sau:

+ Đọc và tìm hiểu bài: "**Từng bước hoàn thiện bản thân**" . Tìm hiểu văn bản"***Chúng ta có thể đọc nhanh hơn***". Tập trả lời các câu hỏi trong phần suy ngẫm và phản hồi- SGK trang 101.

Tiết:……

BÀI 5:
TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN BẢN THÂN
(Văn bản thông tin)
<u>Văn bản 1</u>: CHÚNG TA CÓ THỂ ĐỌC NHANH HƠN

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động;

Mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; vai trò các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

Cước chú và tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo;

2. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- *Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm đọc các văn bản thông tin*;* hoàn thành các phiếu học tập; chia sẻ, thảo luận, đánh giá qua các hoạt động nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

1.2. Năng lực chung

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- Nhận biết được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

1.3. <u>Phẩmchất</u>

Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV
- Tranh, ảnh liên quan đến bài học.
- Máy tính, ti vi.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1. Xác định vấn đề/chuẩn bị đọc *(10 phút)*

Mục tiêu

Kết nối tri thức, dẫn dắt học sinh nhận biết mục tiêu văn bản.

Tạo hứng khởi cho cho sinh trước khi vào bài mới.

2. Nội dung

Gợi nhắc tri thức về văn bản thông tin

3. Sản phẩm

Hs nắm được sơ bộ đặc điểm VBTT.

4. Tổ chức thực hiện

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Yêu cầu hs ghép nối dữ kiện có trong phần tri thức Ngữ văn

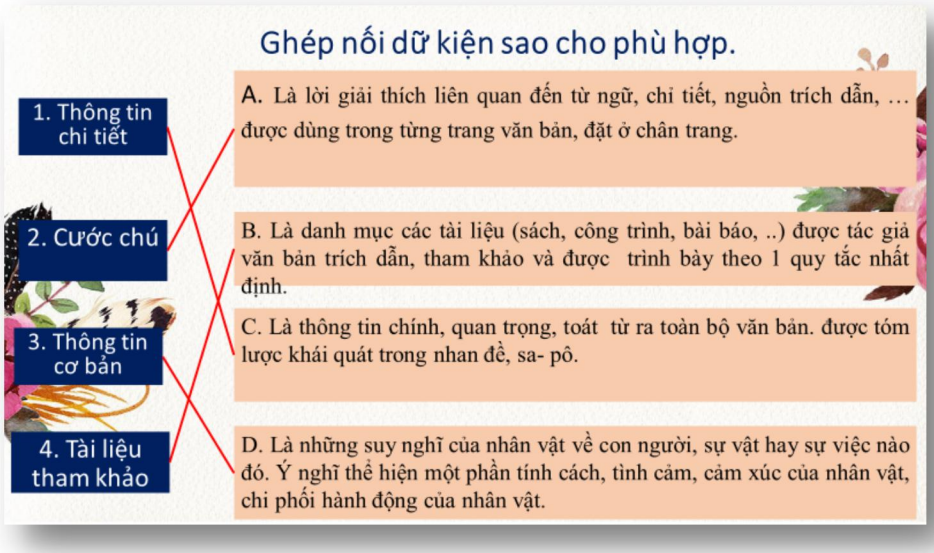

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời câu hỏi.

B3. Báo cáo thảo luận

Hs chia sẻ với nhau về những hiểu biết của mình khi đọc xong tri thức ngữ văn

B4. Kết luận, nhận định

- GV nhắc lại tri thức về văn bản thông tin.
- GV cho học sinh xem video về ý nghĩa của việc đọc sách, một trong những yếu tố quan trọng để phát triển bản thân

https://www.youtube.com/watch?v=mcbnSpX9r3Q

- GV giới thiệu văn bản 1.

Các em thân mến, trong các hoạt động như đọc sách, ghi chép, … có cần đến quy tắc, luật lệ không? Vì sao?

Khi đọc một văn bản, em thường đọc thành tiếng hay đọc thầm và em đã bằng lòng với khả năng đọc hiểu văn bản của mình chưa nào?

HĐ 2. Hình thành kiến thức mới

I. ĐỌC TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Có nhận thức khái quát về văn bản.

b. Nội dung:

Đọc và trả lời câu hỏi theo dõi.

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **GV** hướng dẫn cho hs đọc bài **B2. Thực hiện nhiêm vụ** **Hs** thực hiện cá nhân, đọc bài, theo hướng dẫn của giáo viên. **B3. Báo cáo thảo luận** HS chia sẻ với bạn bè hoặc người thân về những cảm nhận của mình sau khi đọc xong văn bản **B4. Kết luận, nhận định** Gv kết luận trên bài giảng.	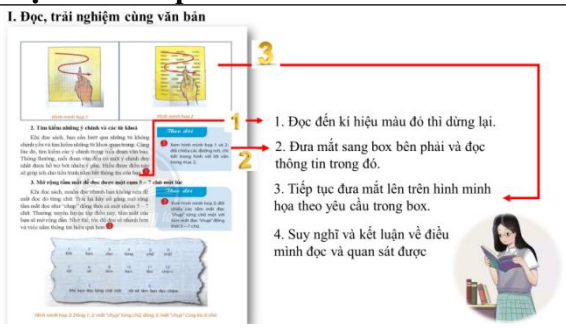

II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI

1. Cấu trúc văn bản thông tin

a. Mục tiêu

Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

b. Nội dung

HS tìm hiểu thông tin cơ bản, thông tin chi tiết, cước chú, tài liệu tham khảo của văn bản.

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **Gv** tổ chức cho hs trả lời các câu hỏi. **? Em hãy nhận xét về thông tin cơ bản của văn bản?** **? Nhận xét về nhan đề, sa-pô của văn bản?** **? Vb này liệt kê mấy phương pháp giúp đọc sách tốt hơn?** **B2. Thực hiện nhiêm vụ** **Hs** thực hiện cá nhân. **B3. Báo cáo thảo luận** Hs ghi vào trong vở và chia sẻ câu trả lời với các bạn khác, đánh giá, nhận xét những ý kiến, chia sẻ của các bạn khác. **B4. Kết luận, nhận định** Gv kết luận trên bài giảng	**a. Thông tin cơ bản** *Nhan đề:* ngắn gọn, là kiểu câu hỏi, thể hiện nội dung chính của văn bản. *Sa-pô* ngắn gọn gồm 2 câu văn, giới thiệu tóm tắt nội dung của văn bản là làm theo lời khuyên và hướng dẫn của tác giả Adam Khoo để có thể đọc nhanh hơn và nắm bắt thông tin hiệu quả hơn. **b. Thông tin chi tiết** - 6 đề mục nếu 6 phương pháp đọc sách - Hình ảnh minh hoạ1, 2,3 ở mục 2 và 3, số liệu ở mục 6 - Cước chú ở chân trang giải thích nhan đề văn bản, giải thích sự khác biệt giữa đọc thầm và đọc bằng mắt. - Tài liệu tham khảo ở cuối văn bản trích 6 nguồn tài liệu.

2. Kiểu văn bản thông tin

a. Mục tiêu

Học sinh nhận biết nội dung văn bản, mục đích, ý nghĩa, bố cục của văn bản

b. Nội dung

Tìm hiểu nội dung văn bản thông tin, mục đích, ý nghĩa, bố cục của văn bản,

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **Gv** tổ chức cho hs thảo luận nhóm đôi, điền vào PHT số 1 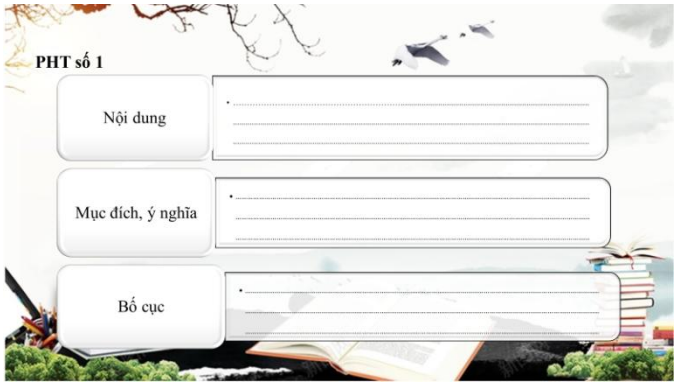 **B2. Thực hiện nhiêm vụ** **Hs** thực hiện nhóm . **B3. Báo cáo thảo luận** Hs ghi PHT và chia sẻ câu trả lời với các bạn khác, đánh giá, nhận xét những ý kiến, chia sẻ của các bạn khác. **B4. Kết luận, nhận định** Gv kết luận trên bài giảng	- *Nội dung*: Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc hay luật lệ trong hoạt động (quy tắc, cách thức nâng cao tốc độ đọc, hoạt động đọc sách). - *Mục đích, ý nghĩa*: giúp người đọc biết phương pháp, kĩ năng đọc sách tăng hiệu quả nắm bắt thông tin, làm tiền đề cho sự thành công trong học tập và trong cuộc sống. - *Bố cục*: Các phần, đề mục rõ ràng, các thông tin được trình bày đầy đủ, ngắn gọn, dễ hiểu kèm theo hình ảnh minh họa cụ thể.

3. Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích, giữa các thông tin trong văn bản

a. Mục tiêu

Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

b. Nội dung

Học sinh tìm hiểu mối quan mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; Thảo luận nhóm để nhận biết vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

Tổ chức thực hiện

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

? Đặc điểm văn bản và mục đích có mối quan hệ như thế nào?

? Mối quan hệ giữa thông tin cơ bản và thông tin chi tiết?

Gv chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm từ 5-8 bạn. Thực hiện PHT số 2.

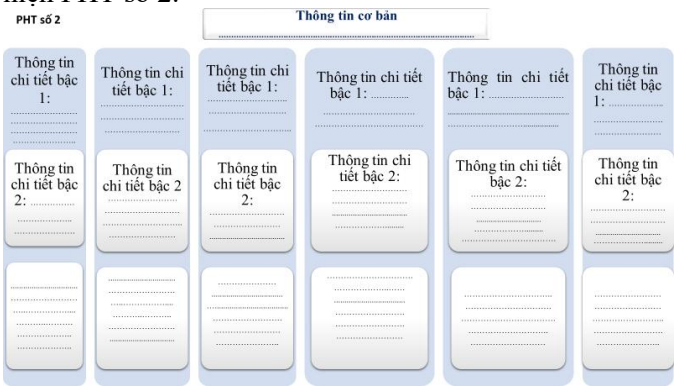

B2. Thực hiện nhiêm vụ

Hs thực hiện thảo luận nhóm .

B3. Báo cáo thảo luận

Đại diện các nhóm báo cáo kết quả sản phẩm, đánh giá, nhận xét sản phẩm của nhóm khác

B4. Kết luận, nhận định

Gv kết luận trên bài giảng

Dự kiến sản phẩm

a. Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích viết

Bố cục với đề mục rõ ràng, kết hợp với hình ảnh minh họa giúp tác giả truyền tải cao nhất hiệu quả của thông tin đến với người đọc, bản thân người đọc cũng sẽ năm bắt nội dung có hệ thống dễ dàng hơn.

b. Mối quan hệ giữa thông tin chi tiết và thông tin cơ bản

Thông tin cơ bản ngắn gọn, rõ ràng, trọng tâm. Thông tin chi tiết bậc 1 là các đề mục triển khai các ý từ thông tin cơ bản , tác giả lựa chọn 6 đề mục, là 6 phương pháp cần thiết để tăng hiệu quả đọc,

từ các đề mục hình thành thông tin bậc 2 là những đoạn văn, mỗi đoạn văn có sự truyền tải thông tin bằng lời thuyết minh và bằng hình ảnh.

III. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

Hs biết cách đọc nhanh một văn bản

Nhận biết đặc điểm văn bản thông tin

b. Nội dung

? Thực hành luyện đọc theo những phương pháp mà văn bản nêu ra?

? Tìm đặc điểm của văn bản thông tin?

c. Sản phẩm

HS tự đánh giá, nhận xét quá trình và hiệu quả thực hiện, chia sẻ với những người xung quanh.

d. Tổ chức thực hiện

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu hs về nhà đọc một số văn bản.

B2. Thực hiện nhiêm vụ

Hs thực hiện tại nhà.

B3. Báo cáo thảo luận

Hs chia sẻ trước lớp về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét kết luận

Tiết:……

BÀI 5: TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN BẢN THÂN
(Văn bản thông tin)
Văn bản 2:
CÁCH GHI CHÉP ĐỂ NẮM ĐƯỢC NỘI DUNG BÀI HỌC
– DƯ GIA HUY –

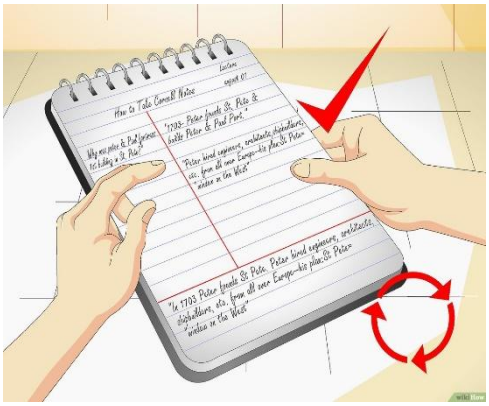

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

**** Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

**** Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- Nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản

2. Về phẩm chất: Chăm chỉ rèn luyện, trau dồi các kĩ năng, biết chia sẻ kinh nghiệm của bản thân với người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Ti vi, máy tính, bảng phụ
- Các phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (10’)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung:

GV Hướng dẫn học sinh thực hiện những chỉ dẫn trong phần chuẩn bị đọc ở SGK cho học sinh thực hiện. Có thể thực hiện trò chơi lật mở mảnh ghép để đi tới cách ghi chép khoa học

HS giở vở và quan sát, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) **-** Chúng ta cùng lật giở vở ghi của chúng ta ra xem phần ghi chép của chúng ta đã sạch sẽ, khoa học chưa? Nội dung ghi chép có giúp em dễ hiểu và dễ ghi nhớ không? Không khoa học ở chỗ nào?	

B2: Thực hiện nhiệm vụ: **HS** quan sát vào vở ghi thực tế của mình để đưa ra câu trả lời cho câu hỏi ở phần chuẩn bị đọc. **GV** Gợi ý cho học sinh nếu các em còn lúng túng chưa sử dụng từ phù hợp. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - Mời 1 HS đại diện trình bày câu trả lời - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	**HS** thảo luận trả lời câu hỏi: 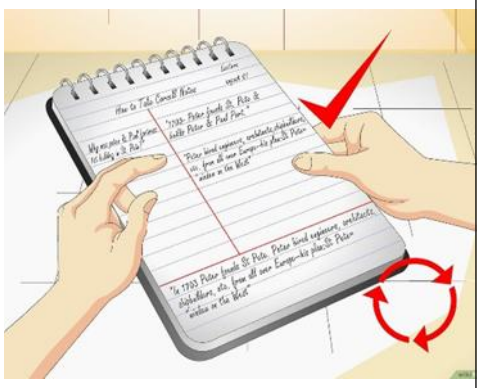
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em. - cho học sinh xem một vài cách ghi khoa học - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản. Như các em đã biết, ngoài việc chú ý lắng nghe thì ghi chép một cách khoa học, dễ đọc, dễ hiểu và dễ ghi nhớ những gì chúng ta được học cũng rất quan trọng trong quá trình học tập và trau dồi kiến thức. Đó cũng chính là cách thức được thể hiện trong văn bản thông tin mà chúng ta sẽ cùng trải nghiệm Văn bản "Cách ghi chép để nắm nội dung bài học" của tác giả Du Gia Huy.	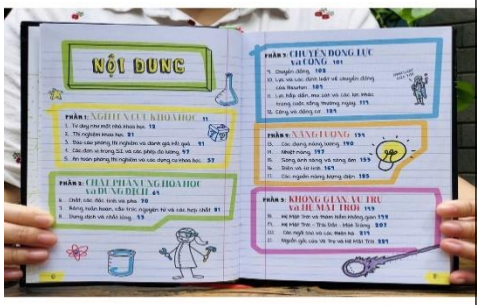 **HS** theo dõi tranh ảnh và nêu cảm nhận.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (80')

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản (20')

a. Mục tiêu: Giúp HS biết cách đọc văn bản.

b. Nội dung: Gv hướng dẫn HS cách đọc.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	**Sản phẩm**
NV1: Hướng dẫn học sinh đọc **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV *+ Hướng dẫn cách đọc thầm, đọc to, đọc diễn cảm* *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.* *Câu hỏi thảo luận theo nhóm ghép đôi:* ***PHT số 1.*** *? Xuất xứ của văn bản, Phương thức biểu đạt được tác giả sử dụng trong văn bản là gì?* *? Văn bản được chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ	**<u>I/ Trải ngiệm cùng văn bản.</u>** HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi dự đoán, suy luận. - HS biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp với văn bản. 1. Xuất xứ: Tác giả Du Gia Huy (In trong Bí kíp ghi chép hiệu quả, Di Huân minh họa, Thiện Minh dịch)

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
- HS đọc văn bản, tìm hiểu trong SGK
- Làm việc theo nhóm ghép đôi 2 phút, nhận xét góp ý để hoàn thiện phần đọc, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
- HS trình bày sản phẩm
- GV gọi hs nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV sửa lại cách đọc cho HS (nếu HS đọc chưa đúng).
- Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của HS
- Chốt kiến thức và chuyển ý sang mục sau.

2. Thể loại: văn bản thông tin
3. Phương thức biểu đạt: thuyết minh
4. Bố cục (2 phần)
+Phần 1 (từ đầu đến "một trong các cách sau đây"): Giới thiệu về ghi chép
+Phần 2 (còn lại): Các cách ghi chép hiệu quả

Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi (30')

a. Mục tiêu:
- Nắm được những dấu hiệu của văn bản thuyết minh giới thiệu một quy tắc hay một luật lệ, cách thức hoạt động.
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

b. Nội dung: Gv tổ chức cho hs tìm hiểu theo hình thức thảo luận, tìm hiểu khái niệm, phương thức biểu đạt.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ, PHT, sản phẩm trên giấy A0

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
	<u>II/ Suy ngẫm và phản hồi</u> **1. Giới thiệu về ghi chép**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) **-** Gv tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân *? Đoạn văn in nghiêng có vai trò như thế nào trong văn bản?*	- Đoạn văn in nghiêng có vai trò giải thích ý nghĩa cho các thuật ngữ chính mà văn bản nhắc tới
? Đã bao giờ em dùng các "mẹo nhỏ" này trong ghi chép chưa? nếu có thì em đã dùng mẹo nào trong các mẹo trên?	- Tùy thuộc vào từng học sinh có kết quả khác nhau
PHT số 2 *? Những dấu hiệu nào trong văn bản trên giúp em nhận ra đây là văn bản giải thích về một quy tắc hay luật lệ, cách thức trong hoạt động?* *? Mục đích của văn bản này là gì?*	- Văn bản có các bước hướng dẫn và các đề mục rõ ràng, có hình ảnh minh họa cụ thể. - Văn bản trên giới thiệu những mẹo đọc liên quan đến hoạt động học tập. - Văn bản cung cấp thông tin bổ ích và được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Mục đích văn bản: hướng dẫn học sinh cách ghi chép khoa học để nắm bắt thông tin văn bản nhanh nhất.
? Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Nhận xét về mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản trên?	- Thông tin cơ bản của văn bản trên: hướng dẫn cách ghi chép thông tin nhanh và nắm thông tin hiệu quả. - Nhận xét về mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích viết của văn bản: + Đặc điểm văn bản: rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn, được chia ra làm nhiều đề mục và có hình ảnh minh họa.

+ Mục đích viết văn bản: hướng dẫn học sinh cách ghi chép khoa học để nắm bắt thông tin văn bản nhanh nhất.
=> Đặc điểm trình bày của văn bản và mục đích có sự gần gũi, phối hợp chặt chẽ với nhau

B2: Thực hiện nhiệm vụ
HS:
- Thực hiện hoạt động cá nhân,
- Thực hiện thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 2

GV hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách xem ở phần tri thức Ngữ văn

B3: Báo cáo thảo luận
GV yêu cầu một vài HS trình bày qua những gì tìm hiểu được.
HS trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)
- Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS
- Chốt nội dung (sản phẩm).
- Chuyển dẫn sang nội dung sau.

2. Các cách ghi chép hiệu quả

Mục tiêu:
- Nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản
- Nắm được tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ .
- Nêu được tác dụng của các cước chú, tài liệu tham khảo

Nội dung:
GV Cho học sinh thảo luận để tìm ra mối quan hệ của đặc điểm với mục đích của văn bản.
HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
- Chia nhóm lớp.
- Giao nhiệm vụ: Học sinh thực hiện thảo luận nhóm ghép đôi trả lời các câu hỏi 3,4,5

? Hình minh họa trong mục A (Phương pháp phân vùng) đã hỗ trợ như thế nào cho phần lời trong việc thể hiện thông tin cơ bản ở mục này?

? Việc tách riêng mỗi "mẹo nhỏ" trong ghi chép thành một đoạn riêng và đánh dấu bằng gạch đầu dòng trong mục Mẹo nhỏ giúp ghi chép để khi đọc là hiểu ngay có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin chi tiết của văn bản?

? Theo em, các từ ngữ, câu văn được in đậm và được đánh dấu bằng các chữ số 1,2,3,4 ở một số dòng trong mục B (Học cách tìm nội dung chính) có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản?
- Thời gian: 15 phút

2. Các cách ghi chép hiệu quả

- Hình minh họa trong mục A đã giúp cho người đọc hình dung một cách cụ thể hơn, giúp phần lời được thể hiện rõ ràng hơn.
- Có tác dụng làm cho thông tin sáng rõ, dễ hiểu hơn. Từ những mẹo này, học sinh nắm bắt nhanh bài đọc và tiếp thu cách ghi chép thông tin hiệu quả nhất

- Có tác dụng nêu những nội dung chính trong việc thể hiện thông cơ bản của văn bản.

B2: Thực hiện nhiệm vụ
HS Quan sát văn bản trong SGK để trả lời câu hỏi
GV hướng dẫn HS chú ý phần 2 (đặc biệt là các đề mục, hình ảnh.)
B3: Báo cáo, thảo luận
GV:
- Yêu cầu HS trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).
HS:
- các nhóm trình bày sản phẩm.
- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).
B4: Kết luận, nhận định (GV)
- Nhận xét câu trả lời của HS.
- Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.

3. Hoạt động 3: Tổng kết (10)

Mục tiêu:
- Nhắc lại được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc… mục đích của nó.

Nội dung:
GV sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu
HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? *? Nội dung chính của văn bản "cách ghi chép để nắm được nội dung bài học"?* *? Qua giờ học, văn bản đã mang lại những điều gì có ích cho việc ghi chép trong học tập của em?* **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận** **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. **B4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide	**III/ Tổng kết** **1. Nghệ thuật** - Hình thức rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn, được chia ra làm nhiều đề mục và có hình ảnh minh họa. - Ngôn từ có tính chính xác, cô đọng, chặt chẽ **2. Nội dung** Văn bản hướng dẫn cách ghi chép thông tin nhanh và nắm thông tin hiệu quả. Văn bản đã mang lại nhiều điều có ích cho việc ghi chép trong học tập của em như: - Cách lập ra quy tắc ghi chép - Cách tìm nội dung chính - Cách phân tích và đối chiếu => Đây đều là những điều cần thiết cho việc ghi chép giúp em ghi chép khoa học và dễ hiểu hơn.

III/ HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (15')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.
b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.
c) Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thành của hs
d) Tổ chức thực hiện
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS
B2: Thực hiện nhiệm vụ
GV: Chiếu bài tập
HS: Đọc yêu cầu của bài
B3: Báo cáo, thảo luận:
- GV yêu cầu HS trình bày kết quả bài tập của mình.
- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số

IV/ HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5')

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.
b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
c) Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).
d) Tổ chức thực hiện
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
? Hãy hướng dẫn bạn của mình làm một đồ chơi đơn giản.
B2: Thực hiện nhiệm vụ
GV gợi ý cho HS bằng việc nêu ra một số trò chơi gấp giấy các đồ vật đơn giản
HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.
B3: Báo cáo, thảo luận
GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet
HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.
B4: Kết luận, nhận định (GV)
- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài **Bài học từ cây cau.**

Tiết:……

BÀI HỌC TỪ CÂY CAU (Nguyễn Văn Học)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Giúp HS hiểu thêm về sự cần thiết của việc hoàn thiện bản thân cùng một số quy tắc, cách thức hoàn thiện bản thân trong học tập, sinh hoạt, ứng xử.

2. Năng lực

1.1. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2.2. Năng lực đặc thù

- HS nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản.
- Từ những kiến thức trong bài học, HS tự rút ra cho mình những cách để rèn luyện các kỹ năng; đồng thời phát huy những thế mạnh vốn có về thể chất, trí tuệ của bản thân.

2. Phẩm chất:

Có ý thức tự hoàn thiện bản thân trong học tập, sinh hoạt, ứng xử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU:

a) Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS kết nối được những kiến thức của văn bản vào nội dung của bài học.

b) Nội dung: HS được yêu cầu tập trung thực hiện nhiệm vụ và trình bày kết quả.

c) Sản phẩm: HS liệt kê được ưu điểm và hạn chế (cả về hình thức và tính cách) của bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HS:

Hãy tự phát hiện và ghi lại vắn tắt những điều em cho là ưu điểm và hạn chế (cả về hình thức và tính cách) của bản thân

- HS suy nghĩ cá nhân và ghi kết quả vào giấy note.
- GV gọi ngẫu nhiên một số HS trình bày. Các HS khác bổ sung, góp ý (nếu có)
- GV nhận xét chung, kết luận và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới: Ở hai văn bản trước chúng ta đã biết để phát triển bản thân đúng cách, hiệu quả thì chúng ta phải rèn luyện, phát triển các kĩ năng cốt yếu như đọc, viết, nói và nghe nhằm phát huy những thế mạnh vốn có của mình. Ngoài việc tự rèn luyện bản thân bằng những kĩ năng như trên thì để từng bước hoàn thiện bản thân chúng ta còn học hỏi từ cuộc sống qua những người và sự vật chúng ta tiếp xúc hàng ngày và "Bài học từ cây cau" sẽ giúp chúng ta rèn luyện bản thân từ một cuộc trò chuyện rất đỗi bình dị.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

I. ĐỌC VĂN BẢN VÀ TÌM HIỂU CHUNG:

a) Mục tiêu: Giúp HS:

Đọc văn bản, nhận biết phương thức biểu đạt, nhân vật kể chuyện.

b) Nội dung: HS đọc văn bản, tìm thông tin SGK theo yêu cầu của GV; phần hoạt động của HS để có kết quả đúng từ các câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS, phần tổng hợp kết quả đúng của GV.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. GV lưu ý HS hai chiến lược theo dõi và dự đoán. HS đọc xong, GV hướng dẫn HS tìm hiểu các từ khó SGK. Sau đó GV giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành yêu cầu các câu hỏi:

a. Phát hiện các phương thức biểu đạt có trong văn bản.
b. Cho biết người kể chuyện, từ đó xác định ngôi kể.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm đôi, sau đó GV gọi ngẫu nhiên HS trình bày. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
- GV kết luận, nhận xét phần hoạt động của HS và chuyển sang phần tiếp theo.

II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN:

1. Lời hỏi - đáp giữa các nhân vật với nhau và với hàng cau

a) Mục tiêu: Giúp HS:
Nhận biết được lời hỏi – đáp của các nhân vật có trong truyện.

b) Nội dung: HS theo dõi các chi tiết trong văn bản để hoàn thiện các yêu cầu của GV (ghi vắn tắt kết quả) và ghi phần chốt kiến thức vào vở ghi.

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS, phần tổng hợp kết quả đúng của GV, dự kiến:

Các cuộc hỏi - đáp	**Hỏi**	**Đáp**
Giữa "ông" với "bố"	"Nhìn lên cây cau con thấy điều gì?"	"Con thấy bầu trời xanh"
Giữa "ông" với "tôi"	"Nhìn lên cây cau cháu thấy điều gì?"	"Cháu thấy bài học làm người ngay thẳng. Đó là triết lí của ông phải không ạ?"
Giữa "tôi" với "ông"	"Vậy nhìn lên cây cau, ông đã thấy gì ạ?"	"Ông thấy tương lai tươi đẹp của dòng họ ta"
Giữa "tôi" với hàng cau	1. "Ở trên đó cau có gì vui?" 2. "Cau có thấy bầu trời cao rộng?"	1. Từ trên những tàu cau một đàn chim xòe cánh bay ra. 2. Những tàu cau đung đưa, tạo ra âm thanh xào xạc.

d) Tổ chức thực hiện:
- GV chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS trả lời câu hỏi trên phiếu học tập:
(1) Có bao nhiêu cuộc hỏi - đáp giữa các nhân vật với nhau trong văn bản?
(2) Hãy điền vào bảng sau những lời hỏi - đáp giữa các nhân vật với nhau và với hàng cau theo bảng sau:

Các cuộc hỏi - đáp	**Hỏi**	**Đáp**
Giữa "ông" với "bố"		

- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân.
- HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo.
- GV nhận xét chung, tổng hợp kiến thức đúng, chốt ý và kết nối với phần tiếp theo.

2. Vai trò của cây cau trong việc thể hiện chủ đề truyện:

a) Mục tiêu: Giúp HS
Phân tích vai trò của cây cau trong việc thể hiện chủ đề truyện bằng việc trả lời câu hỏi 2,3 trong SGK.

b) Nội dung: HS theo dõi các chi tiết trong văn bản để hoàn thiện các yêu cầu trên phiếu học tập (ghi vắn tắt) và ghi phần chốt kiến thức vào vở ghi.

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS, phần tổng hợp kết quả đúng của GV, dự kiến:
(1) Cây cau đặc biệt ở điểm nó mọc thẳng tắp, cao vút lên trên bầu trời. Chính nhờ đặc điểm

đó đã khơi gợi mỗi người trong gia đình của nhân vật "tôi" "một cách nghĩ", "một cách sáng tạo, cách sống và làm việc.
(2) Nhân vật xưng "tôi" trò chuyện với hàng cau cũng chính là trò chuyện với chính mình vì mặc dù hỏi hàng cau nhưng nhân vật "tôi" lại độc thoại và tự cảm nhận cho câu trả lời của chính mình.
(3) Hàng cau – cây cau là đối tượng để các nhân vật trong truyện rút ra những chiêm nghiệm, những bài học khác nhau, góp phần làm nổi bật chủ đề truyện: *Mỗi người một cách nghĩ, một "sự thấy" khác nhau. Điều đó làm nên sự đa tính cách, khác biệt của mỗi người …*

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ, yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ trên phiếu học tập:

(1) Theo em, những cây cau có gì đặc biệt mà có thể khơi gợi ở mỗi người trong gia đình của nhân vật "tôi" "một cách nghĩ", "một cách sáng tạo, cách sống và làm việc,..."?

(2) Trong đoạn văn cuối, từ câu "Một ngày bình an, tôi ngước lê hàng cau và hỏi: "Ở trên đó cau có vui?" đến hết văn bản, nhân vật xưng "tôi" trò chuyện với hàng cau hay trò chuyện với chính mình? Vì sao em kết luận như vậy?

(3) Theo em, những cây cau có vai trò gì trong truyện?

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 HS.
- HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.
- GV nhận xét phần hoạt động nhóm của HS, chốt ý như mục sản phẩm, sau đó GV chuyển mục kết nối với phần kiến thức tiếp theo.

3. Bài học từ cây cau và thông điệp của văn bản:

a) Mục tiêu: Giúp HS

Vận dụng kiến thức để rút ra bài học cho bản thân.

b) Nội dung: HS theo dõi các chi tiết trong văn bản để hoàn thiện các yêu cầu trên phiếu học tập (ghi vắn tắt) và ghi phần chốt kiến thức vào vở ghi.

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS, phần tổng hợp kết quả đúng của GV, dự kiến:

(1) Nhìn lên hàng cau người cháu thấy bài học làm người ngay thẳng có nghĩa là làm người phải trung thực, thẳng thắn, có lòng tự trọng.
(2) Vì khi trò chuyện với cây cau, đó sẽ là một cách giúp các nhân vật tự nhìn nhận lại để hoàn thiện bản thân hơn. Bởi mỗi người một cách nghĩ, một "sự thấy" về cây cau sẽ làm nên sự đa tính cách, khác biệt, suy nghĩ khác nhau.
(3) Cùng nhìn lên hàng cau nhưng mỗi nhân vật đều có cách nghĩ, "sự thấy" khác nhau do tuổi tác, kinh nghiệm sống khác nhau. Từ đó khi quan sát, học hỏi từ con người và sự vật xung quanh mình, chúng ta cần biết lắng nghe, tích lũy kinh nghiệm trên cơ sở chọn lọc để phát triển bản thân đúng cách, hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ, yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ trên phiếu học tập:

(1) Khi người cháu trả lời ông: "nhìn lên hàng cau cháu thấy bài học làm người ngay thẳng", em hiểu bài học này như thế nào?
(2) Tại sao có thể nói: trò chuyện về cây cau, với cây cau cũng là cách giúp các nhân vật tự hoàn thiện bản thân?
(3) Vì sao cùng nhìn lên hàng cau nhưng mỗi nhân vật đều có cách nghĩ, "sự thấy" khác nhau? Từ đó em rút ra bài học gì khi quan sát, học hỏi từ con người và sự vật xung quanh mình?

- GV tổ chức cho HS hoạt động theo kỹ thuật ổ bi (6p) để thực hiện các nhiệm vụ.
- HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.
- GV nhận xét, kết luận, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP: KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

a) Mục tiêu: Giúp HS:

Kết nối chủ điểm để khám phá và đặt ra những giải pháp để hoàn thiện bản thân.

b) Nội dung: HS tìm ra những giải pháp để hoàn thiện bản thân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:
- GV giao nhiệm vụ cho HS: Từ việc trải nghiệm cùng ba văn bản trên, em có thể khám phá và hoàn thiện bản thân bằng những cách nào?
- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn (3p) để thực hiện nhiệm vụ.
- Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, sau đó trình bày.
- GV nhận xét phần hoạt động nhóm, kết luận và định hướng cho HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG: (3 phút giao nhiệm vụ, HS làm ở nhà)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để giải quyết một nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống.

b) Nội dung: Nhiệm vụ về nhà: Em hãy lập kế hoạch phấn đấu, rèn luyện để tự hoàn thiện bản thân theo mẫu sau:

c) Sản phẩm: Bảng kế hoạch hoàn thiện bản thân của HS.

d) Tổ chức thực hiện:
- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục nội dung và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp qua nhóm zalo lớp.
- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- GV khuyến khích sự xung phong/hoặc chỉ định 1-2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá quá trình).
- GV nhận xét, đánh giá về bảng kế hoạch của HS.

----------®----------

Tiết:……

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC
- Nguyễn Trọng An-

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được một số yếu tố của văn bản thông tin giới thiệu quy tắc phòng tránh đuối nước thông tin cơ bản, chi tiết.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các quy tắc phòng tránh đuối nước.

3. Phẩm chất:

- Nhận biết và nắm được các quy tắc phòng thánh đuối nước thể hiện qua văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi mở vấn đề: Trong những năm học vừa qua, em có được học bơi không? Em đã biết bơi chưa? Em có thích học bơi không

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được các thông tin về thể loại, đọc văn bản, nội dung bài học

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ** - GV nhắc lại yêu cầu từ tiết trước, học sinh đọc bài ở nhà và làm bài tập trong phần hướng dẫn đọc. ***Nhóm 1,2*** **-** Văn bản trên tác giả là ai? Xuất xứ của tác phẩm? Văn bản thuyết minh về vấn đề gì? Gồm những đề mục nào? **-** Tìm trong mục 4 sgk, và hoàn thành theo bảng sgk/112 **Điều khoản Phần nêu tên hay Giải thích**	**I. Đọc văn bản và chuẩn bị nội dung**

tóm tắt điều điều khoản khoản ***Nhóm 3,4*** - Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên thuộc kiểu văn bản giới thiệu thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động? - HS xem lại nội dung đã chuẩn bị, thực hiện nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ *** Tìm hiểu văn bản Phòng tránh đuối nước** - GV yêu cầu HS: các nhóm lần lượt trình bày, chia sẻ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi 1, 2, 4 sgk/111 **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV yêu cầu các HS trong lớp theo dõi bài trong nhóm và nhận xét cho nhau. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**	**II. <u>Tìm hiểu chi tiết</u>** 1. Tác giả Nguyễn Trọng An 2. Tác phẩm Xuất xứ tác phẩm Trích trong Cẩm nang phòng tránh đuối nước – NXB Kim Đồng năm 2019 3. Thể loại: Văn bản thông tin 4. PTBĐ Thuyết minh (Văn bản thuyết minh về vấn đề các quy tắc phòng tránh đuối nước) 5. Bố cục gồm 4 đề mục: + Bảo đảm an toàn ở những nơi có nước sâu, nguy hiểm. + Học bơi. + Kiểm tra an toàn trước khi xuống nước trong các môi trường nước cụ thể. + Tuân thủ những quy tắc an toàn khi bơi lội. 6. Mục 4 **Điều khoản** — **Phần nêu tên hay tóm tắt điều khoản** — **Giải thích điều khoản** Không bơi sau khi ăn — Bởi như thế rất có hại cho dạ dày Kiểm tra lại độ sâu — Hầu hết những tổn thương ở vùng cổ hay lưng thường do những cú nhảy bổ nhào hoặc lặn dưới hồ có mực nước cạn Chỉ bơi ở những nơi an toàn, cho phép bơi — Khó mà biết được dưới mặt nước hiền

		lội	hòa kia ẩn chứa những hiểm họa gì
		Không bơi lội một mình nơi vắng vẻ	Sẽ không ai cứu khi gặp tình huống nguy hiểm dù bơi giỏi
		Không bơi khi quá nóng và mệt	Môi trường nước có thể làm thân nhiệt hạ xuống đột ngột hoặc khiến mất sức nhiều hơn
		Không nên bơi lội trong vùng nước dơ bẩn hay bùn lầy	Không thể nhìn thấy được dưới đáy nước và có thể bị mắc các bệnh ngoài da, ngứa ngáy khắp người
		Không vừa ăn, vừa bơi	Tránh sặc nước
		Không bơi khi người có nhiều mồ hôi hoặc vừa đi ngoài nắng về	Dễ bị cảm
		Lên bờ ngay khi trời tối có sấm chớp và mưa	

C. <u>HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</u>

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên thuộc kiểu văn bản giới thiệu thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động?

TL

- Những dấu hiệu giúp em nhận biết văn bản trên thuộc kiểu văn bản giới thiệu, thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động:

+ Mục đích viết: thuyết minh về các quy tắc phòng tránh đuối nước

+ Văn bản ngắn gọn, súc tích, sử dụng ngôn ngữ khoa học.

+ Hình thức văn bản chia rõ rệt thành các phần dễ hiểu, có hình ảnh minh họa sinh động.

- Văn bản có nên đưa thêm hình minh họa không? Vì sao?

TL

- Văn bản nên đưa thêm hình minh họa ở mục 1, 2, 3. Vì nó sẽ giúp học sinh đọc hình dùng ra những quy tắc bơi rõ ràng hơn, tránh mơ hồ.

- *GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hãy nhắc lại những đặc điểm cơ bản của một* Văn bản thông tin

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. <u>HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG</u>

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung:Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:
- *GV yêu cầu HS:* Tìm đọc thêm các văn bản thuộc thể loại văn bản thông tin để nắm thêm những đặc điểm đặc trưng thể loại
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*
* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài "Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động"

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. <u>HỒ SƠ DẠY HỌC</u>

Phiếu học tập

Điều khoản	Phần nêu tên hay tóm tắt điều khoản	Giải thích điều khoản
	Không bơi sau khi ăn	Bởi như thế rất có hại cho dạ dày
	Kiểm tra lại độ sâu	Hầu hết những tổn thương ở vùng cổ hay lưng thường do những cú nhảy bổ nhào hoặc lặn dưới hồ có mực nước cạn
	Chỉ bơi ở những nơi an toàn, cho phép bơi lội	Khó mà biết được dưới mặt nước hiền hòa kia ẩn chứa những hiểm họa gì
	Không bơi lội một mình nơi vắng vẻ	Sẽ không ai cứu khi gặp tình huống nguy hiểm dù bơi giỏi
	Không bơi khi quá nóng và mệt	Môi trường nước có thể làm thân nhiệt hạ xuống đột ngột hoặc khiến mất sức nhiều hơn
	Không nên bơi lội trong vùng nước dơ bẩn hay bùn lầy	Không thể nhìn thấy được dưới đáy nước và có thể bị mắc các bệnh ngoài da, ngứa ngáy khắp người
	Không vừa ăn, vừa bơi	Tránh sặc nước
	Không bơi khi người có nhiều mồ hôi hoặc vừa đi ngoài nắng về	Dễ bị cảm
	Lên bờ ngay khi trời tối có sấm chớp và mưa	

Tiết:……..

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT : THUẬT NGỮ (tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được khái niệm : thuật ngữ là gì.
- Xác định được một số thuật ngữ và giải thích sơ bộ về thuật ngữ đó.

2. Năng lực

1.1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2.2. Năng lực đặc thù

- HS biết phân biệt thuật ngữ với các từ ngữ thông thường.
- Có khả năng sử dụng thuật ngữ chính xác trong các tình huống giao tiếp.

2. Phẩm chất:

- Có ý thức sử dụng từ ngữ nói chung, thuật ngữ nói riêng phù hợp với tình huống giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- Phiếu học tập
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

1. Xem và cho biết video số 1giới thiệu về nội dung gì?

2. Quan sát nội dung phần Tri thức Tiếng Việt ở SGK trang 97, hãy xác định những kiến thức trọng tâm mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học hôm nay?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, hỗ trợ
- HS suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đọc, trình bày câu trả lời
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới:

1. Đất nước của chúng ta, với "đặc sản" của tiếng nói khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam luôn chứa đựng rất nhiều bí ẩn và thú vị. Khai thác hết những bí ẩn ấy, chúng ta sẽ thấy Tiếng Việt thật giàu và thật đẹp. Tuy nhiên, sự giàu đẹp của Tiếng Việt, không chỉ được làm nên từ những ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày mà còn là hệ thống ngôn ngữ được dùng trong nhiều lĩnh vực khác nữa. Để thấy rõ điều ấy, cô mời các em đi vào tìm hiểu bài học hôm nay.

2. Kiến thức trọng tâm trong tiết học hôm nay:

- Thuật ngữ là gì?
- Đặc điểm của thuật ngữ ?
- Chức năng của thuật ngữ?
- Các phương tiện phi ngôn ngữ trong giao tiếp.

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các ví dụ có liên quan tới thuật ngữ

a. Mục tiêu: Nhận biết được thuật ngữ là gì.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS
d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu thuật ngữ là gì. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Gv chuyển giao nhiệm vụ *GV phổ biến trò chơi **Thỏ con kiếm ăn** với các yêu cầu:* *+ Quan sát các hình ảnh và các thông tin:* 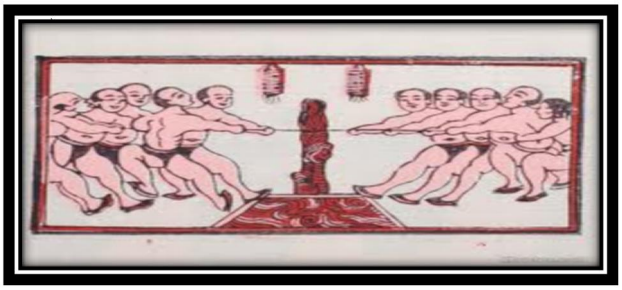 ..... là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác. *b)* ..... là làm hủy hoại dần dần lớp đất đá phủ trên mặt đất do các tác nhân: gió, băng hà, nước chảy,... *c)* ..... là nơi có dấu vết cư trú và sinh sống của người xưa	**I. Thuật ngữ là gì?** 1. Ví dụ:

d) 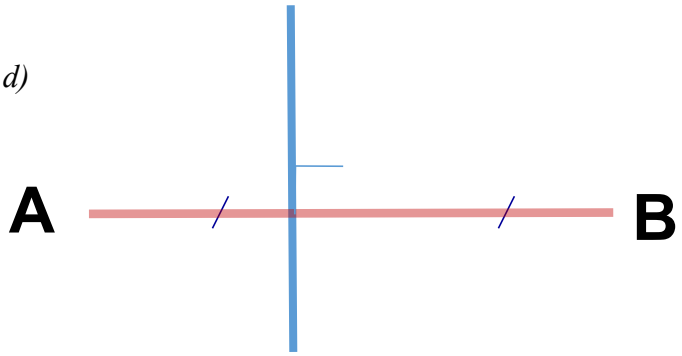 ..... là đường thẳng vuông góc với một đoạn thẳng tại điểm giữa của đoạn ấy. *+Tìm một từ ngữ miêu tả bức tranh ấy rồi điền vào chỗ trống để hoàn thiện các khái niệm.* *+ Cho biết từ ngữ vừa tìm được thường được sử dụng trong lĩnh vực nào?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** **- Gv tổ chức hoạt động** - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Dự kiến sản phẩm a) **Lực** là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác. ->**Khoa học tự nhiên** b) **Xâm thực** là làm hủy hoại dần dần lớp đất đá phủ trên mặt đất do các tác nhân: gió, băng hà, nước chảy,... **---> Địa lí** c)**Di chỉ** là nơi có dấu vết cư trú và sinh sống của người xưa. **-> Lịch sử**

Hoạt động 2: Hình thành khái niệm về thuật ngữ.

a. Mục tiêu:

- HS biết được thuật ngữ có những đặc điểm nào.
- HS lấy ví dụ về thuật ngữ trong các lĩnh vực KH.
- HS tìm được thuật ngữ trong video số 2 và giải thích thuật ngữ đó ở mức độ đơn giản nhất.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành phân tích, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu thuật ngữ là gì. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** + Từ những phân tích trên, em hiểu thuật ngữ là gì? Cho ví dụ? + Xem và cho biết video số 2 có sử dụng những thuật ngữ nào? Những thuật ngữ đó được dùng trong những lĩnh vực nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** **- Gv tổ chức hoạt động** - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả	2.Khái niệm: **** Thuật ngữ là những từ, ngữ biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản thông tin thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và văn bản nghị luận***

lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức : các thuật ngữ trong video số 2: động đất, dảo, địa chấn, đại dương, núi lửa, hành tinh…	

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng giải quyết BT 1,2 phần **Thực hành Tiếng Việt**

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra câu trả lời đúng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Giáo viên tổ chức trò chơi tranh luận.

Bài 1/107: "Quy tắc", "luật lệ" có phải thuật ngữ không ? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?

Bài 2/107: *Trong mục 2 của văn bản " cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học", "từ khóa", "câu chủ đề" có phải là thuật ngữ không ? Vì sao?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS đưa ra câu trả lời một cách nhanh nhất
- GV gọi HS khác bổ sung câu trả lời của bạn (nếu sai)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chiếu kết quả

BT 1/ 107 SGK :

- Các từ: "quy tắc", "luật lệ" là thuật ngữ.
- Dựa vào dặc điểm:

+ Biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ, được dùng trong các văn bản thông tin.
+ Mỗi thgữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại.
+ Không có tính biểu cảm.

BT 2/ 107 SGK:

- Các từ : "từ khóa", "câu chủ đề" là thuật ngữ .
- Vì: + Có tính chuẩn xác, khoa học.
  + Mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại.
  + Không có tính biểu cảm.

Hướng dẫn tự học ở nhà:

- HS ôn lại khái niệm thuật ngữ, lấy ví dụ về thuật ngữ.
- Soạn phần còn lại của bài học:

+ Đặc điểm và chức năng của thuật ngữ, các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
+ Phương án giải quyết bài tập 3,4,5,6 theo các phiếu học tập sau đây (được gửi trên Padlet hoặc phô tô).

Phiếu học tập số 1: Điền vào bảng dưới đây một số thuật ngữ được sử dụng trong các phần 1, 2 của văn bản *Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học*. Cho biết dựa vào đâu để em nhận biết các từ ngữ trên là thuật ngữ?

Phần văn bản	Thuật ngữ được sử dụng
1. Lập ra quy tắc ghi chép: chia rõ các phần	
2. Học cách tìm nội dung chính	

Phiếu học tập số 2: Điền vào bảng dưới đây một số thuật ngữ được sử dụng trong các phần của văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn*. Cho biết dựa vào đâu để em nhận biết các từ ngữ trên là thuật ngữ?

Phần văn bản	Thuật ngữ được sử dụng
1.	Ví dụ: tốc độ đọc...
2.	...
3.	...
4.	...
5.	...
6.	...

Phiếu học tập số 3: Vận dụng kiến thức đã học từ các môn học Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Toán học, Khoa học Tự nhiên... để tìm thuật ngữ và nghành khoa học thích hợp, sau đó hoàn chỉnh bảng tổng hợp dưới đây:

Thuật ngữ	Giải thích	Nghành khoa học
muối	là một hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít.	
	là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác.	
	là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái.	
	là thiên thể có thể tự phát ra ánh sáng.	
	là lực hút của Trái Đất.	

Thuật ngữ	Giải thích	Nghành khoa học
	là góc có số đo bằng 90 độ.	
	là đường nối liền các điểm có cùng độ cao trên lược đồ địa hình.	
	là thể loại văn học viết cho thiếu nhi, nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hóa.	
	là một thời kì tiền sử kéo dài mà trong giai đoạn này đá đã được sử dụng rộng rãi để tạo ra các công cụ có cạnh sắc, đầu nhọn.	

Phiếu học tập số 4: Chỉ ra một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn* và *Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học.*

Văn bản	Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	Tác dụng
Chúng ta có thể đọc nhanh hơn		
Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học		

Tiết:……..

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT : THUẬT NGỮ (tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được đặc điểm và chức năng của thuật ngữ.
- Hiểu được điểm khác biệt của thuật ngữ so với các từ ngữ thông thường.

2. Năng lực

1.1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2.2. Năng lực đặc thù

- HS biết phân biệt thuật ngữ với các từ ngữ thông thường.
- Có khả năng sử dụng thuật ngữ chính xác trong các tình huống giao tiếp.

2. Phẩm chất:

- Có ý thức sử dụng từ ngữ nói chung, thuật ngữ nói riêng phù hợp với tình huống giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- Phiếu học tập
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

Hát bài hát có sử dụng thuật ngữ và chỉ ra các thuật ngữ có trong bài hát đó.

(VD: Bài hát: Trái Đất này là của chúng mình…)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, hỗ trợ
- HS suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hát, trình bày câu trả lời
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới: Để sử dụng thuật ngữ hiệu quả, chính xác, ngoài việc hiểu được khái niệm của thuật ngữ thì còn phải nắm được đặc điểm và chức năng của nó. Chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu bài học hôm nay.

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ

a. Mục tiêu: Nhận biết được đặc điểm của thuật ngữ.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** + Có thể thay từ **lực** trong khái niệm **Lực** là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác. bằng từ **di chỉ** được không? Vì sao? + Từ "muối" trong câu ca dao sau có nghĩa giống hay khác nhau? Vì sao? "Tay bưng chén muối đĩa gừng Gừng cay, muối mặn xin đừng quên nhau" *+ Phân tích những ví dụ trên, em thấy thuật ngữ có đặc điểm gì?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** **- Gv tổ chức hoạt động** - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**II. Đặc điểm của thuật ngữ** 1. Ví dụ: **Lực** là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác. **Di chỉ** là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác. "Tay bưng chén muối đĩa gừng Thuật ngữ 2.Đặc điểm của thuật ngữ: Gừng cay, muối mặn xin đừng quên nhau" thủy chung, tình nghĩa => Sắc thái biểu cảm - Thuật ngữ không có tính biểu cảm. - Trong một lĩnh vực khoa học, công nghệ, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.

Hoạt động 2: Tìm hiểu chức năng của thuật ngữ.

a. Mục tiêu:

- HS biết được thuật ngữ có chức năng gì.
- HS giải thíc được vì sao thuật ngữ lại có những chức năng đó.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành phân tích, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chức năng của thật ngữ.	**III. Chức năng của thuật ngữ** **1.** Ví dụ:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + nhận xét về từ "hạt giống" qua các ví dụ (a), (b) ở mục III.1. + Rút ra kết luận: thuật ngữ được dùng trong các văn bản nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** **- Gv tổ chức hoạt động** - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức : + Từ "Hạt giống" ở ví dụ (a) **là hình ảnh ẩn dụ về** *những người trẻ đang có rất nhiều triển vọng hoặc đang được bồi dưỡng, đào tạo vì tương lai* => không phải là thuật ngữ +Từ "Hạt giống" ở ví dụ (b) có nghĩa là ***hạt dùng để trồng*** => là thuật ngữ (môn sinh học)	a) Nếu được làm ***hạt giống*** để mùa sau -> Có tính biểu cảm --> biểu thị một ẩn ý trong văn chương hoặc trong đời thường. Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa Vui gì hơn làm người lính đi đầu Trong đêm tối, tim ta làm ngọn lửa. (Tố Hữu – Chào xuân 67) b) Hãy chọn những hạt to, chắc, mọng sẽ để làm ***hạt giống***. -> Không có tính biểu cảm --> biểu thị trong môn sinh học. => Từ ngữ giống nhau nhưng chức năng nhau. 2. Chức năng của thuật ngữ: Thuật ngữ được dùng để biểu thị các khái niệm khoa học công nghệ.

Hoạt động 3: Luyện tập

b. Mục tiêu:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng giải quyết BT 3,4,5,6 phần **Thực hành Tiếng Việt.**

- HS vẽ được sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra câu trả lời đúng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sơ đồ tư duy của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

* Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi: Chúng tớ là chuyên gia

B1: Chia cả lớp ra thành 4 nhóm, mỗi nhóm trình bày 01 bài tập từ BT3 đến BT 6 trong SGK theo phiếu học tập đã cung cấp từ tiết trước.

B2: Yêu cầu mỗi nhóm đều sử dụng kỹ thuật khăn phủ bàn để thảo luận câu hỏi được đưa ra trong phiếu BT.

B3. Đại diện các nhóm lên trình bày sản phẩm thảo luận.

B4: GV trình chiếu kết quả 4 BT để các nhóm có cái nhìn toàn diện về tất cả bài tập trong tiết học.

Phiếu học tập số 1: Điền vào bảng dưới đây một số thuật ngữ được sử dụng trong các phần 1, 2 của văn bản *Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học*. Cho biết dựa vào đâu để em nhận biết các từ ngữ trên là thuật ngữ?

Phiếu học tập số 2: Điền vào bảng dưới đây một số thuật ngữ được sử dụng trong các phần của văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn*. Cho biết dựa vào đâu để em nhận biết các từ ngữ trên là thuật ngữ?

Phiếu học tập số 3: Vận dụng kiến thức đã học từ các môn học Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Toán học, Khoa học Tự nhiên... để tìm thuật ngữ và nghành khoa học thích hợp, sau đó hoàn chỉnh bảng tổng hợp dưới đây:

Phiếu học tập số 4: Chỉ ra một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn* và *Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học.*

* Nhiệm vụ 2: Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS đưa ra câu trả lời một cách nhanh nhất
- GV gọi HS khác bổ sung câu trả lời của bạn (nếu sai)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

* Nhiệm vụ 1: GV trình chiếu kết quả 4 BT

- GV chiếu kết quả

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài 3/107-108: Điền vào bảng dưới đây một số thuật ngữ được sử dụng trong các phần 1, 2 của văn bản *Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học*. Cho biết dựa vào đâu để em nhận biết các từ ngữ trên là thuật ngữ?

Phần văn bản	Thuật ngữ được sử dụng
1. Lập ra quy tắc ghi chép: chia rõ phần	từ khóa, kí hiệu, dấu ngoặc kép...
2. Học cách tìm nội dung chính	từ khóa, chủ đề, câu chủ đề, sơ đồ...

Bài 4/108: Điền vào bảng dưới đây một số thuật ngữ được sử dụng trong các phần của văn bản *Chúng ta có thể đọc nhanh hơn*. Cho biết dựa vào đâu để em nhận biết các từ ngữ trên là thuật ngữ?

Phần văn bản	Thuật ngữ được sử dụng
1. Sử dụng một cây bút chì làm vật dẫn đườ	tốc độ đọc, hình minh họa...
2. Tìm kiếm những ý chính và các từ khóa.	từ khóa, ý chính, ý phụ...
3. Mở rộng tầm mắt để đọc được một cụm 5 chữ một lúc.	tầm mắt, chữ, hình minh họa, tốc độ đọc...
4. Tập nghe nhạc nhịp độ nhanh trong lúc đ khi bạn có một không gian riêng.	não, mắt, tốc độ đọc...
5. Đọc phần tóm tắt cuối chương trước.	tóm tắt, chương, thông tin...
6. Liên tục thúc đẩy và thử thách khả năng c bạn.	vận động viên, cơ bắp, kĩ thuật, hệ thống thần kinh, não bộ...

Bài 5/108: Vận dụng kiến thức đã học từ các môn học Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Toán học, Khoa học Tự nhiên... để tìm thuật ngữ và nghành khoa học thích hợp, sau đó hoàn chỉnh bảng tổng hợp dưới đây:

Thuật ngữ	Giải thích	Nghành khoa học
muối	là một hợp chất mà phân tử gồm có một h nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc-axít.	Khoa học tự nhiên
lực	là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật kh	Khoa học tự nhiên
tính từ	là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái.	Ngữ văn
sao	là thiên thể có thể tự phát ra ánh sáng.	Khoa học tự nhiên
trọng lực	là lực hút của Trái Đất.	Khoa học tự nhiên

Bài 5/108: Vận dụng kiến thức đã học từ các môn học Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Toán học, Khoa học Tự nhiên... để tìm thuật ngữ và nghành khoa học thích hợp, sau đó hoàn chỉnh bảng tổng hợp dưới đây:

Thuật ngữ	Giải thích	Nghành khoa học
góc vuông	là góc có số đo bằng 90 độ.	Toán học
đường đồng mứ	là đường nối liền các điểm có cùng độ cac trên lược đồ địa hình.	KHXH
truyện đồng thoại	là thể loại văn học viết cho thiếu nhi, nhân vật chính thường là loài vật hoặc đồ vật đu nhân hóa.	Ngữ văn
thời kì đồ đá	là một thời kì tiền sử kéo dài mà trong giai đoạn này đá đã được sử dụng rộng rãi để ra các công cụ có cạnh sắc, đầu nhọn.	KHXH

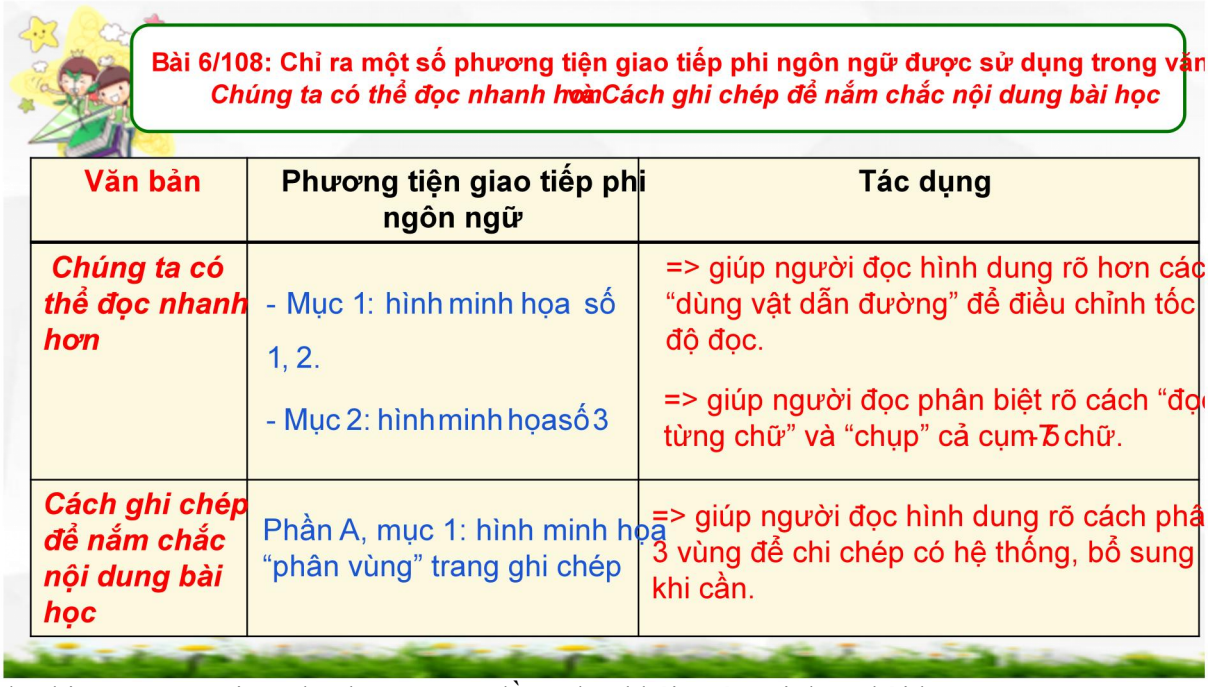

Bài 6/108: Chỉ ra một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn
Chúng ta có thể đọc nhanh hơn và *Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học*

Văn bản	Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	Tác dụng
Chúng ta có thể đọc nhanh hơn	- Mục 1: hình minh họa số 1, 2. - Mục 2: hình minh họa số 3	=> giúp người đọc hình dung rõ hơn các "dùng vật dẫn đường" để điều chỉnh tốc độ đọc. => giúp người đọc phân biệt rõ cách "đọc từng chữ" và "chụp" cả cụm 5 chữ.
Cách ghi chép để nắm chắc nội dung bài học	Phần A, mục 1: hình minh họa "phân vùng" trang ghi chép	=> giúp người đọc hình dung rõ cách phân 3 vùng để chi chép có hệ thống, bổ sung khi cần.

* Nhiệm vụ 2: Gọi HS lên bảng vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung bài học.

VẬN DỤNG

Tổ chức trò chơi: ***Ai nhanh ai giỏi***

B1: Chia cả lớp ra thành 4 nhóm, mỗi nhóm trình bày 01 bài tập mà GV đưa ra.

BT 1. **Tìm các thuật ngữ trong các môn học đã được học ở lớp 6.**

BT 2: Tìm các thuật ngữ có trong các ngành nghề của xã hội.

BT 3: Tìm các thuật ngữ trong các bài hát.

BT 4: Tìm các thuật ngữ có trong các bài văn, bài thơ.

B2: Yêu cầu các nhóm đưa ra câu trả lời nhanh nhất, chính xác nhất theo nội dung câu hỏi của nhóm mình.

B3. Đại diện các nhóm trả lời nhanh.

B4: GV nhận xét, choota ý về các BT HS vừa làm.

Hướng dẫn tự học ở nhà:

- HS ôn lại khái niệm thuật ngữ, đặc điểm và chức năng của thuật ngữ.
- Chuẩn bị bài mới: Soạn bài Đọc mở rộng theo thể loại: Phòng tránh đuối nước (Nguyễn Trọng An)

1. Trả lời các câu hỏi trong các thẻ học in màu và phần hướng dẫn đọc hiểu ở SGK.
2. Làm video về tai nạn đuối nước từ những vụ việc tại địa phương hoặc xem trên tivi.
3. Làm PP thuyết trình về cách phòng chống đuối nước.

B. VIẾT
VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH
VỀ MỘT QUY TẮC HAY LUẬT LỆ TRONG HOẠT ĐỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được khái niệm kiểu văn bản và các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động.
- Bước đầu biết viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

2. Năng lực

1.1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2.2. Năng lực đặc thù

- HS biết chọn một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động để viết bài.
- Có khả năng sáng tạo, vận dụng những kiến thức thực tế vào trong bài biết.

2. Phẩm chất:

- Có ý thức tôn trọng luật lệ, quy tắc; yêu thích các hoạt động, trò chơi lành mạnh, giúp phát triển thể chất và tinh thần.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT
- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, Video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

Xem và cho biết video đề cập đến hoạt động gì? Cảm nhận của em về hoạt động này?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, hỗ trợ
- HS suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đọc, trình bày câu trả lời
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới:

Cuộc sống của chúng ta luôn có nhiều hoạt động học tập, vui chơi. Có hoạt động cá nhân, có hoạt động tập thể, nhưng dù hoạt động nào muốn đạt hiệu quả mong muốn, chúng ta đều phải hiểu biết và tuân thủ quy tắc, quy trình hay luật lệ của nó. Để các em nắm được kĩ năng viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ, cô trò ta cùng nhau vào bài học hôm nay.

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Gv chuyển giao nhiệm vụ *+ Thế nào là một bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động?* *+ Hoàn thành PHT số 1* + Gv phát PHT số 1, học sinh làm việc nhóm đôi - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** **- Gv tổ chức hoạt động** - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**I. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản** * Khái niệm: **Thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động** là kiểu bài người viết dùng phương tiện giao tiếp ngôn ngữ, hoặc kết hợp với phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ, thuyết minh để người đọc hiểu rõ quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động. Dự kiến sản phẩm phiếu học tập số 1

Hoạt động 2: Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS biết cách phân tích mẫu

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi: *+ Từ nhan đề bài viết, em hãy cho biết văn bản thuyết minh về vấn đề gì?* - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận 7p - GV yêu cầu HS đọc bài mẫu *+ Hoàn thành PHT số 2* *+ Gv phát PHT số 2, học sinh làm việc nhóm*	**II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản** Văn bản mẫu: Thuyết minh về một quy tắc trong hoạt động dã ngoại (có cắm trại) ở địa bàn rừng núi. - Nhan đề nêu được tên quy tắc/luật lệ của hoạt động.

Phiếu học tập số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

Đặc điểm	Thể hiện trong văn bản "Thuyết minh về một quy tắc trong hoạt động dã ngoại (có cắm trại) ở địa bàn rừng núi"
- Vai trò của phần Mở đầu? Phần chính? Phần kết thúc?	
- Các điều khoản hay nội dung cụ thể của quy tắc có được sắp xếp hợp lí không? Nhận xét về từ ngữ sử dụng trong văn bản	
- Khi một điều khoản cần được nhấn mạnh, hoặc cụ thể hóa với nhiều chi tiết thì văn bản đã được thể hiện theo cách nào?	

+ Văn bản mẫu vừa phân tích có đảm bảo yêu cầu của bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động không?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT số 2.

+ GV quan sát, khuyến khích

Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ

+ GV gọi đai diện 01 nhóm lên thuyết trình.

+ Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

Dự kiến sản phẩm phiếu học tập số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

Đặc điểm	Thể hiện trong văn bản "Thuyết minh về một quy tắc trong hoạt động dã ngoại (có cắm trại) ở địa bàn rừng núi"
- Vai trò của phần Mở đầu? Phần chính? Phần kết thúc?	**Mở đầu:** Nêu tên hoạt động, lý do giới thiệu quy tắc hoạt động. **Phần chính:** Nêu bối cảnh cụ thể cần áp dụng quy tắc hoạt động. Thuyết minh làm rõ từng quy tắc hoạt động. **Kết thúc:** Khẳng định lại quy tắc, nhận định về độ tin cậy, ý nghĩa thực tế của quy tắc hoạt động.
- Các điều khoản hay nội dung cụ thể của quy tắc có được sắp xếp hợp lí không? Nhận xét về từ ngữ sử dụng trong văn bản	- Nội dung văn bản được sắp xếp và chia theo thứ tự từng phần rất rõ rệt; từ ngữ sử dụng trong văn bản là ngôn ngữ khoa học, dễ hiểu, ngắn gọn.
- Khi một điều khoản cần được nhấn mạnh, hoặc cụ thể hóa với nhiều chi tiết thì văn bản đã được thể hiện theo cách nào?	- Khi một điều khoản cần được nhấn mạnh, hoặc cụ thể hóa với nhiều chi tiết thì thì văn bản đã được thể hiện theo cách viết thành nhiều đoạn tương ứng với các nội dung điều khoản cụ thể và được đánh dấu thứ tự các điều khoản như: thứ nhất, thứ hai,...

- Văn bản mẫu đảm bảo yêu cầu của bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

Hoạt động 3: Hướng dẫn quy trình viết

a. Mục tiêu:

- HS biết chọn một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động để viết bài văn thuyết minh theo đúng các bước;
- Biết giải thích về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bước Chuẩn bị trước khi viết bài và tìm ý, lập dàn ý **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** *- Nêu các bước viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động?* *- Trước khi viết em cần xác định những gì?* *- Với kiểu bài này em có thể thu thập dữ liệu từ đâu?* - Yêu cầu học sinh lựa chọn đề tài	**III. Hướng dẫn quy trình viết** ***Các bước tiến hành*** **1. Chuẩn bị trước khi viết** - Xác định đề tài + Mục đích viết bài này là gì? + Người đọc là ai? => Nội dung, cách viết sẽ như thế nào?

<table>
<tr>
<td>
- Hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý theo phiếu tìm ý và lập dàn ý.
- GV chia 4 nhóm yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn hoạt động muốn thuyết minh, tìm ý cho đoạn văn theo Phiếu tìm ý
<table>
<tr><td>Tôi thuyết minh về hoạt động gì? Cho ai nghe?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Hoạt động ấy diễn ra ở đâu?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Hoạt động ấy có những quy tắc, luật lệ chính nào cần tuân thủ?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Bài thuyết minh nên sử dụng phương tiện nào (ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ)?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Nên triển khai bài viết thành mấy ý?</td><td>…….</td></tr>
</table>
+ Sau khi tìm ý thì hướng dẫn học sinh lập dàn ý (Phiếu lập dàn ý)
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài và chỉnh sửa bài viết
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV chuyển giao nhiệm vụ
+ Gv phát bảng kiểm để học sinh định hướng viết bài văn
+ Gv hướng dẫn thêm về cách viết bài văn
+ Học sinh tự rà soát, chỉnh sửa bài viết của mình và của bạn theo bảng kiểm
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
- HS báo cáo sản phẩm thảo luận;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức
</td>
<td>
- Thu thập tư liệu:
+ Kiến thức thực tế,
+ Từ người thân, bạn bè…
+ Internet, sách báo…
2. Tìm ý, lập dàn ý
- Tìm ý
- Lập dàn ý

3. Viết bài
4. Chỉnh sửa
</td>
</tr>
</table>

Phiếu lập dàn ý

DÀN Ý	Mở đầu	
	Phần chính	
	Kết thúc	

Dự kiến sản phẩm phiếu lập dàn ý

DÀN Ý	Mở đầu	- Nêu tên quy tắc, luật lệ của hoạt động. - Nêu lí do thuyết minh.
	Phần chính	1. Giới thiệu vắn tắt mục đích, bối cảnh, thời gian, không gian diễn ra hoạt động và sự cần thiết thực hiện hoạt động theo quy tắc. 2. Trình bày các điều khoản/nội dung của quy tắc hay luật lệ. - Điều khoản/nội dung 1 - Điều khoản/nội dung 2 - Điều khoản/nội dung 3 …… 3. Một vài lưu ý đặc biệt (nếu có).
	Kết thúc	- Khẳng định ý nghĩa của việc tuân thủ quy tắc, luật lệ. - Đưa ra khuyến nghị đối với người đọc (nếu có).

BẢNG KIỂM BÀI VIẾT

Phần	Nội dung kiểm tra	Đ/CĐ
Nhan đề/ Mở đầu	- Nhan đề nêu được quy tắc, luật lệ của hoạt động cần thuyết minh.	
	- Lí do thuyết minh quy tắc, luật lệ của hoạt động.	
Phần chính	- Giới thiệu mục đích, bối cảnh, thời gian, không gian diễn ra hoạt động và sự cần thiết thực hiện hoạt động theo quy tắc.	
	- Trình bày các điều khoản/nội dung của quy tắc, luật lệ theo trình tự hợp lí.	
	Sử dụng các từ ngữ thể hiện được trình tự các điều khoản/nội dung thuyết minh.	
	- Hướng đến việc tác động hay thuyết phục người đọc tuân thủ quy tắc/luật lệ.	
Kết thúc	- Khẳng định ý nghĩa của việc tuân thủ quy tắc, luật lệ.	
	- Đưa ra khuyến nghị đối với người đọc (nếu có)	

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng giải quết nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra câu trả lời đúng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Giáo viên chiếu trò chơi 'BAY TRÊN KHINH KHÍ CẦU", thông báo luật chơi.

HS lắng nghe thực hiện theo yêu cầu

Câu 1: Quy trình viết bài "Thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động" gồm những bước nào?

4 bước:

- Chuẩn bị trước khi viết

- Tìm ý và lập dàn ý

- Viết bài

- Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Câu 2: Cấu trúc của bài "Thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động" gồm các phần nào?

Gồm các phần: mở đầu, phần chính, kết thúc

Câu 3: Từ ngữ trong văn bản "Thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động" cần đảm bảo yêu cầu nào?

Từ ngữ chính xác, cô đọng, chặt chẽ và sinh động.

Câu 4: Đề bài viết không lạc đề, trước khi viết bài "Thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động", em cần xác định những gì?

Trước khi viết cần xác định:

- Mục đích viết bài này là gì?

- Người đọc là ai?

=> Nội dung, cách viết sẽ như thế nào?

Câu 5: Muốn chỉnh sửa, rút kinh nghiệm để hoàn thiện bài viết cần sử dụng công cụ nào?

Bảng kiểm

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS đưa ra câu trả lời một cách nhanh nhất

- GV gọi HS khác bổ sung câu trả lời của bạn (nếu sai)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chiếu kết quả

Hướng dẫn tự học ở nhà:

- HS ôn lại kĩ năng viết bài văn ***"Thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong một hoạt động".*** *Hoàn thiện bài viết*
- Soạn bài: Nói và nghe: Giải thích về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

C. NÓI VÀ NGHE
GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được kĩ năng giải thích về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

2.2. Năng lực đặc thù

- Biết nói bài viết bảo đảm các bước: xác định đề tài, người nghe, mục đích; tìm ý và lập dàn ý; luyện tập và trình bày; trao đổi và đánh giá

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chiếu video phát vấn:

+ Xem và cho biết video giới thiệu về nội dung gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời
- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Gv tổ chức hoạt đông
- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài: Ngoài những hoạt động trải nghiệm như dã ngoại, cắm trại… khiến ta thích thú chỉ muốn xách ba lô lên và tham gia ngay thì những trò chơi dân cũng là một trong những kí ức tuổi thơ vô cùng đẹp đẽ trong hành trang của mỗi người. Nếu em được yêu cầu thuyết trình trước lớp về quy tắc hay luật lệ trong 1 trò chơi hay hoạt động, em cần làm gì để bài nói của mình hấp dẫn và hiệu quả? Bài học hôm nay sẽ hướng dẫn các em thực hiện điều đó.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

a. Mục tiêu: HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong (định hướng HS nên thuyết minh về quy tắc, luật lệ của 1 trò chơi).

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

? **Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:

+ Theo em, trong bài giải thích về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động người nói nên xưng hô ở ngôi thứ mấy?

+ Bài nói giải thích về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động cần chú ý những yêu cầu nào?

- Em định giới thiệu về hoạt động gì (đề tài)?

- Đối tượng em hướng tới khi trình bày là ai?

- Mục đích bài trình bày là gì?

- Em chọn không gian nào để trình bày?

- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?

? Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ… để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

***Khi nói:**

- Để bài nói trở nên thu hút, khi nói em phải chú ý những gì? (Phong cách? Phương tiện đi kèm? Cách lôi cuốn người nghe?)

***Trao đổi đánh giá:**

- Em thấy ý kiến góp ý nào hợp lý nhất? Em có muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của mình không?

- Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Khi nghe bạn nói, em có cảm xúc như thế nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.

+ GV quan sát, khuyến khích

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

Em hãy tự tập luyện bằng cách:

- Đứng trước gương để tập nói
- Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói.
- Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.

I. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

1. Bước 1: Chuẩn bị nội dung nói

- Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).
- Xem lại dàn ý ở phần Viết.
- Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.
- Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với sự việc, cảm xúc trong chuyến đi.

2. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Đọc lại bài văn đã viết.
- Xác định các ý.
- Liệt kê các ý bằng cách gạch đầu dòng, ghi các cụm từ chính.

3. Bước 3: Luyện tập và trình bày

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói; chú ý sử dụng những từ ngữ chỉ thứ tự trình bày các bước, thao tác của hoạt động.
- Dùng câu nói để khích lệ người nghe thực hiện trò chơi hay hoạt động: tôi tin rằng, các bạn sẽ dễ dàng thực hiện hoạt động, một là, hai là…
- Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói.
- Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, thao tác liên quan đến trò chơi hay hoạt động
- Sử dụng các phương tiện trực quan minh họa như hình ảnh, sơ đồ, phim ngắn…
- Nêu câu hỏi để lôi cuốn người nghe tham gia tương tác

4. Bước 4: Trao đổi đánh giá

**** Bảng kiểm kĩ năng giải thích về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động***

Nội dung kiểm tra	**Đạt/Chưa đạt**
Người nói giới thiệu tên mình	
Phần mở đầu ấn tượng, tạo sức hút.	
Phần kết thúc ngắn gọn, lịch sự, tạo được sự khích lệ với người nghe.	
Giới thiệu sơ lược về hoạt động.	
Trình bày ngắn gọn, rõ ràng những nội dung cần chuẩn bị cho hoạt động.	
Giải thích rõ ràng, dễ hiểu quy tắc/luật lệ của hoạt động, cách thức thực hiện	

những điều cần lưu ý (nếu có).	
Sử dụng từ nghữ phù hợp để làm rõ nội dung, thứ tự sắp xếp các nội dung.	
Kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan để làm rõ nội dung trình bày.	
Tương tác với người nghe	
Chào và cảm ơn người nghe.	

THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

a. Mục tiêu: Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp. HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS, phiếu đánh giá bài nói

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn: - GV hướng dẫn HS đóng vai trò người nghe, ghi lại: Kĩ thật 3 – 2 – 1 + 3 ưu điểm về bài nói của bạn + 2 hạn chế + 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói - GV hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài nói của mình hoặc đánh giá bài nói của bạn. - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công** **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ**	**II. Thực hành nói và nghe** - HS trình bày bài nói. - GV khuyến khích HS sử dụng một trong các cách sau để bài nói thêm hấp dẫn, thuyết phục. + Sử dụng hình ảnh: vẽ một bức tranh liên quan đến bài nói hoặc tóm tắt nội dung hoạt động hay trò chơi trong một sơ đồ tư duy. + Sử dụng âm thanh: dùng nhạc nền hoặc clip minh hoạ cho nội dung bài nói. + Sử dụng đồ vật, mô hình.

Bảng kiểm kĩ năng nghe:

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
- Nắm và hiểu được nội dung chính của quy tắc/ luật lệ - Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời nói của bạn hay điểm hạn chế của bạn. -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn nói	

Gợi ý bài nói:

Chào hỏi, giới thiệu :

Xin chào Cô và các bạn. Em tên là....., học lớp....., trường.....

Thưa cô cùng các bạn, đời sống văn hóa của con người Việt Nam từ bao đời nay là vô cùng phong phú và đa dạng. Trước khi có sự xuất hiện của Internet, các hình thức giải trí game online, những trò chơi dân gian luôn dành được sự yêu thích của rất nhiều người. Trong những trò chơi dân gian lâu đời của dân tộc nhất định phải kể đến trò chơi kéo co, một trò chơi đề cao tinh thần đồng đội, sức mạnh tập thể để giành chiến thắng. Sau đây em xin giới thiệu về trò chơi hấp dẫn này.

Kéo co là một trò chơi dân gian của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Môn thể thao này hay xuất hiện tại các cuộc họp mặt, giao lưu giữa các thôn làng, các lớp, ban ngành, đoàn thể, đặc biệt là các lễ hội truyền thống. Đây được xem là môn thể thao không chỉ dùng sức mà còn dùng trí tuệ để đạt được thành tích cao nhất.

* Tương tự các trò chơi dân gian khác, để chơi kéo co bạn cần một vài dụng cụ đơn giản như:

- Dây thừng: dài cỡ 7-15m tùy số lượng người tham gia.

- Dây đỏ: Đánh dấu giữa sợi dây thừng.
- Vạch kẻ phân chia ranh giới hai đội.

* Về luật chơi thì tại mỗi địa phương, tuỳ thuộc vào quy mô mà có đề xuất những luật đi kèm thêm, tuy nhiên về cơ bản chúng ta sẽ có:

Hai đội với số lượng thành viên như nhau, ngang nhau về thể lực để tạo nên sự công bằng. Tất cả các thành viên tham gia sẽ cùng nắm vào dây thừng chuẩn bị từ trước sao cho dây đỏ nằm chính giữa hai đội. Mỗi đội được tự do lựa chọn cách sắp xếp thành viên, vị trí đứng. Khi có tín hiệu của trọng tài, hai đội dùng sức kéo dây thừng về phía mình, đội nào kéo phần dây đỏ lệch về phía mình trước thì sẽ giành chiến thắng.

Ngoài ra, có thể chọn luật thắng như sau: Vẽ thêm 2 đường thua cuộc ở 2 bên đối xứng với vạch chuẩn. Sợi dây đỏ ở giữa dây thừng của đội nào vượt qua vạch thua cuộc của bên đối thủ là đội thua.

Để công bằng, kéo co thường tổ chức 3 lượt đấu, ai dành chiến thắng 2 hiệp sẽ được xem là thắng cuộc. Phần vạch kẻ có thể thêm 2 đường kẻ phụ phân định kéo co qua mức đó mới tính là chiến thắng.

Sau đây là một số lưu ý giúp bạn chiến thắng trong trò chơi kéo co

Thứ nhất cần sắp xếp đội hình chuẩn:

Kéo co quan trọng lực kéo mạnh, do đó sắp xếp vị trí của các thành viên cũng là cách để tăng thêm sức mạnh. Khi sắp xếp đội hình thì bạn cần lưu ý: Cả đội chơi có thể đứng so le hoặc cùng đứng về một bên. Tuy nhiên nếu có nhiều người khỏe, trụ cột của đội thì nên đứng về một bên để tập trung lực. Ngoài ra các thành viên đứng dãn đều nhau, tránh va chạm, dẫm đạp lên nhau khi kéo.

Người đứng đầu tiên nên là người có sức khỏe tốt, bàn tay to để bám chắc tay và có kinh nghiệm khi chơi kéo co để có thể điều khiển được sợi dây thừng trong quá trình thi đấu.

Người đứng cuối cùng giữ vai trò cực kỳ quan trọng và họ sẽ điều hướng dây thừng sao cho thẳng để tập trung lực được tốt nhất. Đứng ở vị trí cuối cần chọn người có một sức khỏe tốt, dáng người cao to và có thể điều hướng dây.

Thứ 2 về tư thế kéo co:

Bên cạnh đội hình bạn cần có một tư thế vững chắc để có thể tạo được lực nhiều nhất. Tư thế kéo co chuẩn đó là bạn cần kẹp dây thừng kéo co vào nách thật chặt, chân đứng theo kiểu đứng tấn để có được lực trọng tâm lớn nhất. Nếu bạn thuận tay phải, hãy đứng về bên trái dây co và ngược lại cho tay trái. Ngoài ra, để tăng độ bám đất và hệ số ma sát thì bạn nên chuẩn bị cho mình một đôi dày vải, có nhiều gân dưới đế và rãnh sâu.

Thứ 3 cần giữ chặt tay và dây kéo:

Trong quá trình thi đấu bạn cần liên tục giữ chặt tay và dây thừng để tạo điểm ma sát giúp dây không bị trượt khỏi tay cũng như là hạn chế trầy xước, chấn thương trong quá trình kéo co. Điều bạn cần làm là kéo chân di chuyển cùng lúc với các thành viên trong đội để kéo sợi dây về phía mình. Lưu ý không nên kéo bằng tay bạn chỉ nên kéo bằng chân.

Kết thúc bài nói:

Trên đây là tổng hợp chi tiết những lưu ý khi chơi kéo co, luật chơi, dụng cụ cần thiết cũng như các mẹo để dành được chiến thắng. Mong rằng, trò chơi kéo co sẽ còn được phát huy hơn nữa trong các giờ ra chơi, các cuộc thi đua ở các lớp học, trường học để thế hệ trẻ sau này có thể cảm nhận và gìn giữ trò chơi dân gian tuyệt vời này.

Cảm ơn cô và các bạn đã lắng nghe bài chia sẻ của em. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ mọi người.

Tiết : …… **ÔN TẬP**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được các đặc điểm của VB thông tin.
- Hiểu được cách trình bày văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động.
- Hiểu được ý nghĩa, thông điệp thông qua các bài đã học trong chủ đề: Từng bước hoàn thiện bản thân.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của văn bản thông tin
- Năng lực viết/ nói bài văn trình bày về một hiện tượng đời sống.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV thông báo luật và tổ chức trò chơi: Hộp quà bí mật

Lật chơi: Có 9 hộp quà, trong mỗi hộp quà có chứa 1 câu hỏi, trả lời đúng sẽ được mở hộp quà và nhận phần thưởng chứa trong hộp quà ấy, sai nhường quyền trả lời cho bạn khác.

Câu 1. Câu 1. Văn bản "Chúng ta có thể đọc nhanh hơn" thuộc chủ đề nào?

Câu 2. Thể loại chính của chủ đề?

Câu 3. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: "khi không có vật gì đi trước…, mắt bạn có khuynh hướng nhảy nhót khắp trang giấy làm chậm việc đọc sách của bạn."

Câu 4. Có những quy tắc ghi chép nào hiệu quả để nắm chắc thông tin bài học?

Câu 5. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản "Cách ghi chép để nắm vững nội dung bài học là gì?"

Câu 6. Nhìn lên cây cau, những điều mà người ông, người bố và người cháu trong văn bản "Bài học từ cây cau có giống nhau không? Vì sao?

Câu 7. Phần trình bày các điều khoản/ nội dung của quy tắc hay luật lệ là phần nào của bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ?

Câu 8. Thông tin của bài văn thuyết minh phải

Câu 9. Trước khi nói cần phải làm gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe và trả lời
- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài:

B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập về đọc

a) Mục tiêu:HS nắm được nội dung, các sự kiện đặc sắc của các văn bản đã học.
b) Nội dung: GV trình bày vấn đề
c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.
d) Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</th><th>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ
NV1: Bài 1. hướng dẫn HS hoàn thành bài tập theo bảng trong SGK theo nhóm NV2: Bài 2. Khi đọc hiểu 1 văn bản giới thiệu về một quy tắc hay luật lệ của hoạt động, em cần nắm vững những đặc điểm nào của kiểu văn bản này?
Nhóm 1,2 làm bài 1
Nhóm 3,4 làm bài 2
<table>
<tr><th>Tên văn bản</th><th>Mục đích viết</th><th>Đặc điểm chính</th><th>Thông tin cơ bản</th></tr>
<tr><td>Chúng ta có thể đọc nhanh hơn</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Cách ghi chép để nắm chắc thông tin bài học</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Phòng tránh đuối nước</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
- HS thực hiện nhiệm vụ
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
+ HS thực hiện nhiệm vụ
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
+ HS trình bày sản phẩm thảo luận
+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi bảng
</td><td>
I. Ôn tập văn bản
1. Nội dung các văn bản đã học
- Chúng ta có thể đọc nhanh hơn:
Mục đích viết: Giới thiệu, chia sẻ cách thức đọc văn bản nhanh, hiệu quả.
Đặc điểm chính: Có hình ảnh, sơ đồ minh họa
Thông tin cơ bản: Cách thức đọc văn bản nhanh, hiệu quả.
- Cách ghi chép để nắm chắc thông tin bài học:
Mục đích viết
Đặc điểm chính: Có hình ảnh, sơ đồ minh họa
Thông tin cơ bản: Cách thức ghi chép linh hoạt, hiệu quả.
- Phòng tránh đuối nước:
Đặc điểm chính: Có hình ảnh, sơ đồ minh họa
Thông tin cơ bản: Một số biện pháp, quy cách phòng tránh đuối nước.
2. Những đặc điểm cần lưu ý khi đọc văn bản giới thiệu về một quy tắc hay luật lệ của hoạt động
- Mục đích viết, các đặc điểm của kiểu văn bản qua: nhan đề, đề mục, sa-pô, bố cục;
- Cách nắm bắt thông tin cơ bản qua thông tin bộ phận, chi tiết, các thuật ngữ, các điều khoản của quy tắc hay luật lệ của hoạt động;
- Tiếp nhận thông tin từ phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu, sơ đồ, biểu bảng), kết hợp phương tiện giao tiếp ngôn ngữ (lời thuyết minh, giới thiệu)…
</td></tr>
</table>

Hoạt động 2: Ôn tập về viết, nói và nghe
a) Mục tiêu:HS nắm được cách trình bày bài viết hoặc nói.
b) Nội dung: GV trình bày vấn đề
c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.
d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ *1. Theo em, khi viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động, cần lưu ý những điều gì?* *2. Tóm tắt nội dung chính của các bước chuẩn bị và trình bày bài nói giải thích một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động?* - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** + HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	**II. Ôn tập viết, nói và nghe** Bài 3: Những lưu ý khi viết một bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ của hoạt động: - Giới thiệu được quy tắc hay luật lệ cần thuyết minh - Giới thiệu mục đích, bối cảnh, thời gian, không gian diễn ra hoạt động - Giới thiệu được các điều khoản/ nội dung của quy tắc hay luật lệ - Khẳng định ý nghĩa của việc tuân thủ quy tắc hay luật lệ - Bài văn đảm bảo bố cục. Bài 4. Các bước chuẩn bị và trình bày bài nói giải thích một quy tắc hay luật lệ của một hoạt động: 1. Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói 2. Tìm ý, lập dàn ý 3. luyện tập và trình bày 4. Trao đổi, đánh giá

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ *1. Hãy chia sẻ với bạn học cùng nhóm cảm xúc hay niềm hứng thú của em khi đọc một cuốn sách, trong khi nói có sử dụng một số thuật ngữ?* *2. Theo em, việc khám phá và hoàn thiện bản than có ý nghĩa như thế nào và có thể thực hiện bằng cách nào?* - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** + HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Bài 5: HS trình bày suy nghĩ Bài 6: Ý nghĩa và cách thức hoàn thiện bản thân - Ý nghĩa của việc tự hoàn thiện bản thân: Làm cho bản thân mình ngày càng tốt hơn, mở mang tầm hiểu biết. Khắc phục được những khuyết điểm của bản thân mình từ đó được mọi người tín nhiệm, tin tưởng. Người biết hoàn thiện bản thân sẽ tiến bộ từng ngày và nhận được tình yêu thương từ mọi người. - Cách thức hoàn thiện bản thân: hoàn thiện kĩ năng đọc sách, kĩ năng ghi nhớ bài học, kĩ năng ghi chép trong học tập, kĩ năng viết, nói và nghe về một đề tài, vấn đề có liên hệ với ưu điểm và hạn chế của bản thân

Nhiệm vụ về nhà:

Học bài, hoàn thành bài tập.

Xem lại toàn bộ nội dung chương trình, soạn bài "Ôn tập cuối kì I".

Lưu ý: Học sinh soạn toàn bộ các câu hỏi trong bài "Ôn tập cuối kì I", ngoài ra GV chia lớp thành 8 nhóm nhỏ, mỗi nhóm có nhiệm vụ hoàn thành bài tập chính của nhóm mình trên pp hoặc giấy khổ A0 để tiết sau lên báo cáo sản phẩm trước lớp.

Nhiệm vụ cụ thể:

Tiết :…….. **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống lại các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn bản.
- Đặc điểm hình thức và nội dung của thơ bốn chữ, năm chữ, truyện ngụ ngôn, nghị luận văn học, tản văn, tùy bút, văn bản thông tin.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của các kiểu văn bản đã học, kĩ năng các kiểu bài viết.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên tổ chức trò chơi RUNG CHUÔNG VÀNG công bố luật chơi

- Mỗi HS sẽ chuẩn bị 4 tờ giấy ghi sẵn các đáp án A, B, C, D
- HS cả lớp sẽ đứng tại chỗ để cùng tham gia trò chơi.
- GV lần lượt đọc các câu hỏi. Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 15 s để giơ tờ giấy nhớ tương ứng đáp án
- HS nào trả lời sai câu hỏi sẽ tự động ngồi xuống, không được tham gia trả lời câu hỏi tiếp theo.
- Hết 10 câu hỏi, (những) HS nào còn đứng (trả lời được hết 10 câu hỏi) sẽ giành được phần thưởng.

Câu hỏi:

Câu 1 : Vai trò của vần trong thơ là :

a. Liên kết các dòng và câu thơ
b. Đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ
c. Làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc
d. Cả a,b,c

Câu 2: Thông điệp của văn bản là?

a. Những chi tiết, cảnh tượng từ thực tế đời sống được tái hiện bằng ngôn ngữ.
b. Cảm xúc, suy ngẫm của tác giả về thế giới, con người
c. Là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà văn bản muốn truyền đến người đọc
d. Là những chi tiết tiêu biểu trong văn bản.

Câu 3: Khi muốn tóm tắt ý chính của người khác trình bày một cách hiệu quả cần kết hợp lắng nghe và ghi chép bằng cách:

a. Ghi ngắn gọn bằng ngôn ngữ của mình, ghi dưới dạng cụm từ, từ khóa
b. Sử dụng các kí hiệu, gạch đầu dòng để làm nổi bật các ý.
c. Sử dụng các ý chính dưới dạng sơ đồ.
d. **Kết hợp cả a,b và c.**

Câu 4:Truyện ngụ ngôn là:

a. Truyện kể ngắn gọn, hàm súc, viết bằng văn xuôi hoặc văn vần
b. Là một thể trong ký, dùng để ghi chép, miêu tả.
c. Là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc có cách thể hiện đa dạng.
d. Truyện có yếu tố gây cười.

Câu 5: Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là

a. Nhân vật là đồ vật
b. Nhân vật là loài vật
c. Nhân vật là con người
d. Có thể là con vật, đồ vật hoặc con người

Câu 6: Nội dung chính của văn bản nghị luận là:

a. Tình cảm, cảm xúc của người viết
b. Ý kiến, quan điểm mà người viết muốn thuyết phục người đọc
c. Trải nghiệm của người viết
d. Cung cấp tri thức khách quan về những sự vật, hiện tượng, vấn đề,…

Câu 7: Những yếu tố chính trong văn bản nghị luận là:

a. Ý kiến
b. Lý lẽ
c. Bằng chứng
d. Ý kiến, lý lẽ, bằng chứng

Câu 8: Ngôn ngữ trong tản văn, tùy bút thường"

a. Tinh tế, sống động
b. Sống động, mang hơi thở đời sống
c. Giàu hình ảnh và chất trữ tình
d. Tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình.

Câu 9: Sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền thể hiện ở mặt:

a. Ngữ âm
b. Ngữ nghĩa
c. Từ vựng, ngữ nghĩa
d. Ngữ âm và từ vựng

Câu 10: Trong khi trao đổi, tranh luận về một vấn đề, em cần có thái độ thế trước các ý kiến khác biệt?

a. Phải bảo vệ quan điểm của mình
b. Dù đúng hay sai cũng phải công nhận ý kiến khác biệt
c. Biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác, lời nói và hành xử đúng mực
d. Biết lắng nghe

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS lắng nghe, giơ cao phiếu có câu trả lời cho câu hỏi
- GV quan sát

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài:

B. HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS hệ thống được các nội dung kiến thức, kĩ năng (văn học và ngôn ngữ) đã được hình thành trong học kì I.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS làm việc nhóm soạn bài trên pp hoặc giấy khổ A0, trình bày sản phẩm đã được giao (ở nhà) để ôn lại các nội dung kiến thức đã học.

Nhóm	**Nhiệm vụ**
Nhóm 1	Hoàn thành câu hỏi số 1 SGK trang 121
Nhóm 2	Hoàn thành câu hỏi số 2 SGK trang 121, 122
Nhóm 3	Hoàn thành câu hỏi số 4 SGK trang 122
Nhóm 4	Hoàn thành câu hỏi số 5 SGK trang 122
Nhóm 5	Hoàn thành câu hỏi số 6 SGK trang 122, 123
Nhóm 6	Hoàn thành câu hỏi số 7 SGK trang 123
Nhóm 7	Hoàn thành câu hỏi số 8 SGK trang 123
Nhóm 8	Vẽ sơ đồ các bước quy trình viết

c, Sản phẩm: Bảng thống kê, sơ đồ, ppt trình chiếu kết quả làm việc nhóm của HS theo hướng dẫn của GV.

d, Tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HS sắp xếp lớp học và di chuyển về vị trí làm việc nhóm.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV:

+ Lần lượt các nhóm lên trình bày kết quả, sản phẩm làm việc nhóm theo phân công và tự điều hành tiếp nhận, phản hồi ý kiến của các thành viên trong lớp.

+ HS lắng nghe, ghi chép ý kiến nhận xét và phản hồi cho từng nhóm.

- GV tham gia định hướng (nếu cần), yêu cầu các nhóm chỉnh sửa sản phẩm, tập hợp thành tài liệu ôn tập cho cả lớp.

***Dự kiến sản phẩm:**

Nhóm 1: Đặc điểm các thể loại đã học ở học kì I

Thể loại	**Đặc điểm**
Thơ bốn chữ	+ Mỗi dòng có 4 chữ. + Thường có nhịp 2/2. + Không hạn chế về số lượng dòng thơ trong một khổ và số khổ trong một bài thơ. + Sử dụng đan xen vần chân và vần lưng.
Thơ năm chữ	+ Mỗi dòng có năm chữ. + Nhịp 3/2 hoặc 2/3. + Không hạn chế về số lượng dòng thơ trong một khổ và số khổ trong một bài thơ. + Sử dụng đan xen vần chân và vần lưng.
Truyện ngụ ngôn	+ Là truyện kể ngắn gọn, hàm súc. + Viết bằng văn xuôi hoặc văn vần. + Truyện đưa ra bài học về cách nhìn nhận sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống. + Đề tài: vấn đề đạo đức, cách ứng xử. + Nhân vật: loài vật, đồ vật hoặc con người. + Cốt truyện: xoay quanh một sự kiện để đưa ra bài học hoặc lời khuyên. + Tình huống truyện là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ tính cách.
Tùy bút	+ Là một thể trong ký, dùng để ghi chép, miêu tả. + Thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của cuộc sống.

Tản văn	+ Là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc có cách thể hiện đa dạng. + Mang tính chất chấm phá, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã hội.
Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động	+ Văn bản thông tin. + Nhằm giúp người đọc hiểu được mục đích, ý nghĩa, quy cách thực hiện. + Bố cục rõ ràng, các đề mục kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.
Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	+ Thuộc thể nghị luận văn học, được viết ra để bàn về một tác phẩm văn học. + Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là nhân vật, chi tiết, ngôn ngữ, đề tài, chủ đề,.. + Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. + Các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lý.

Nhóm 2: Văn bản "Ve và Kiến"

a. Văn bản trên thuộc thể loại thơ ngụ ngôn, dựa vào những dấu hiệu:

Văn bản được kể lại một cách ngắn gọn, hàm súc.

Viết bằng văn vần

Đưa ra bài học về cách sống, cách sinh hoạt.

Nhân vật: là loài vật kiến, ve sầu,..

b. Tóm tắt: Mùa đông đến, ve sầu không có nơi trú rét, không có thức ăn phải đến nhà kiến xin vay. Kiến hỏi ve suốt mùa hè đã làm gì. Ve nói suốt mùa hè ve ca hát còn Kiến thì bảo để kiến múa cho ve xem.

c. Nhận xét:

- Ve là một kẻ đam mê ca hát, lười biếng, không chịu làm lụng, chỉ ham mê vui ca.
- Kiến: là một người chăm chỉ, cần mẫn, khôn khéo và thông minh.

d. Chủ đề: Bài học về sự tiết kiệm, chăm chỉ.

Nhóm 3: Nhận xét về tác dụng của việc kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp ngôn ngữ với phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

+ Giúp văn bản trở nên rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu hơn.

+ Những phần không thể diễn đạt được bằng ngôn ngữ thì đã có phương tiện phi ngôn ngữ như: hình ảnh minh họa khiến cho việc đọc hiểu vẫn diễn ra một cách thuận lợi

Nhóm 4: Những lưu ý trong cách đọc hiểu văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học:

Đọc theo thứ tự từ lớn đến bé: vấn đề được bàn luận, ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ và dẫn chứng.

Tìm hiểu được đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong từng tác phẩm.

Tìm hiểu các chi tiết phải theo tuần tự hợp lý

Nhóm 5:

Bài học	**Thể loại**	**Tên văn bản, đoạn trích đọc mở rộng**
1	Thơ	Con chim chiền chiện
2	Truyện ngụ ngôn	Chân, tay, tai, mắt, miện
3	Tùy bút, tản văn	Mùa phơi sân trước

4	Văn bản thông tin	Phòng tránh đuối nước
5	Văn bản nghị luận	Sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng"

Nhóm 6:
a. Công dụng dấu chấm lửng: Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.
b. Các phó từ trong các câu 2, 4: để, còn, đã
c. 3 từ địa phương Nam Bộ có trong đoạn văn: hồi, mau, rặt
d. Chủ đề xuyên suốt đoạn văn: nói về cảnh sinh hoạt ở thôn quê khi bước vào mùa phơi.
- Trình tự sắp xếp các câu trong đoạn văn trên giúp chủ đề được liền mạch, thông suốt. Các câu văn được sắp xếp theo trình tự không gian, đoạn văn được viết theo cách diễn dịch, phù hợp logic văn bản.

Nhóm 7:
a. Các thuật ngữ có trong đoạn văn trên là: Chi tiết, nhan đề, sa-pô, ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, sơ đồ hóa.
=> Các thuật ngữ của ngành khoa học xã hội.
b. Ý nghĩa của các từ được in đậm trong đoạn văn trên là:
- Sơ đồ hóa: là phương pháp diễn đạt nội dung dạy học bằng ngôn ngữ sơ đồ, được kí hiệu bằng: sơ đồ, bảng biểu, lược đồ,...
- Ví dụ từ có chứa yếu tố Hán Việt "hóa": Tạo hóa, vật hóa, biến hóa, giáo hóa, ...

Nhóm 8: HS vẽ sơ đồ theo sự sáng tạo cần đảm bảo đúng quy trình viết sau:

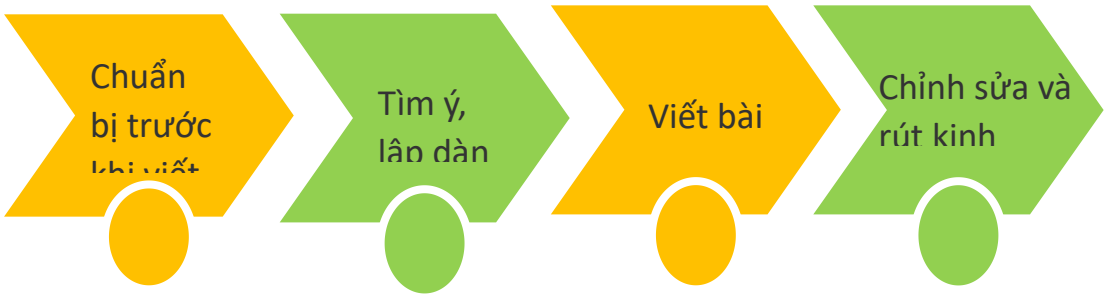

Đối với bài tập 11, 12, 13 GV tổ chức trò chơi **AI NHANH HƠN**
Tổ chức thực hiện: Chia lớp thành 3 hoặc 4 nhóm
- Mỗi nhóm sẽ nhận được các mảnh giấy nhớ có nội dung tương tự nhau là câu trả lời các câu hỏi 11, 12,13
- Nhiệm vụ: trong thời gian 5p, lần lượt từng thành viên trong nhóm sẽ chọn những mảnh giấy có nội dung phù hợp dán lên các câu hỏi tương ứng trên bảng.
- Đội nào hoàn thành sớm và có nhiều câu trả lời nhất sẽ là đội chiến thắng.

Câu 1. Những điều cần lưu ý khi sáng tác một bài thơ bốn hoặc năm chữ?
Câu 2. Một số điểm lưu ý khi trình bày bài nói: Kể lại một truyện ngụ ngôn (có sử dụng cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước)?
Câu 3. Khi giải thích về một quy tắc hay luật lệ của hoạt động điều cần làm để người nghe có thể hiểu rõ các quy tắc hay luật lệ của hoạt động?
*** Những mảnh ghép cho trò trơi GV cần chuẩn bị:**
- Đảm bảo đủ số chữ (bốn chữ hoặc năm chữ) ở các dòng thơ theo yêu cầu của thể loại.
- Đặt nhan đề phù hợp với nội dung văn bản.
- Gieo vần, ngắt nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.
- Thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận,..của người viết về cuộc sống.
- Sử dụng từ ngữ, hình ảnh phù hợp để thể hiện cách nhìn, cảm xúc của bản thân về cuộc sống.
- Sử dụng các biện pháp tu từ phù hợp để tạo nên những liên tưởng độc đáo, thú vị.
- Trình bày đủ các phần mở đầu, phần chính và kết thúc.

- Trình bày gọn, rõ về diễn biến của các sự việc trong câu chuyện.
- Có những lưu ý chung, gợi mở dự đoán về bài học sẽ được rút ra.
- Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, cách nói thú vị hài hước, giọng điệu phù hợp, có những thay đổi cần thiết.
- Thể hiện được tính hài hước, triết lí của truyện ngụ ngôn.
- Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói.
- Đảm bảo thời gian quy định
- Trình bày rõ ràng, mạch lạc và có điểm nhấn những nội dung liên quan đến quy tắc/ luật lệ của hoạt động.
- Sử dụng ngữ điệu linh hoạt.
- Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ để mô tả những hành động, thao tác liên quan đến trò chơi hay hoạt động được giới thiệu.
- Sử dụng kết hợp các phương thức trực quan như hình ảnh, phim ngắn, sơ đồ,..để minh họa cho một số nội dung của bài nói.
- GV hướng dẫn HS sắp xếp lại nhóm và di chuyển về vị trí làm việc nhóm.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV:
+ Lần lượt các nhóm lên gắn kết quả phù hợp với từng câu hỏi
+ HS lắng nghe, ghi chép ý kiến nhận xét khi giáo viên sửa chữa
- GV yêu cầu các nhóm chỉnh sửa sản phẩm.

***Dự kiến sản phẩm:**

2. Một số điểm lưu ý khi trình bày bài nói: Kể lại một truyện ngụ ngôn (có sử dụng cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước)

- Trình bày đủ các phần mở đầu, phần chính và kết thúc.
- Có những lưu ý chung, gợi mở dự đoán về bài học sẽ được rút ra.
- Trình bày gọn, rõ về diễn biến của các sự việc trong câu chuyện.
- Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, cách nói thú vị hài hước, giọng điệu phù hợp, có những thay đổi cần thiết.
- Thể hiện được tính hài hước, triết lí của truyện ngụ ngôn.
- Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói.
- Đảm bảo thời gian quy định

3: Khi giải thích về một quy tắc hay luật lệ của hoạt động điều cần làm để người nghe có thể hiểu rõ các quy tắc hay luật lệ của hoạt động là:

- Trình bày rõ ràng, mạch lạc và có điểm nhấn những nội dung liên quan đến quy tắc/ luật lệ của hoạt động.
- Sử dụng ngữ điệu linh hoạt.
- Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ để mô tả những hành động, thao tác liên quan đến trò chơi hay hoạt động được giới thiệu.
- Sử dụng kết hợp các phương thức trực quan như hình ảnh, phim ngắn, sơ đồ,..để minh họa cho một số nội dung của bài nói.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

Đọc diễn cảm 1 bài thơ hoặc đoạn thơ 4 chữ hoặc 5 chữ mà em yêu thích. Nêu ấn tượng của em về bài thơ, đoạn thơ ấy?

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm cá nhận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

Hướng dẫn về nhà:

- Hoàn thành câu hỏi số 3, số 10 SGK nếu chưa hoàn thành.
- Ôn tập tốt kiến thức chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối học kì I.